

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Cà Mau

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 5 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 của các chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 1) cho các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 691/TTr-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về thông qua Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 294/BC-BKTNS ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương trong nước giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1) là 2.243.004 triệu đồng, cụ thể:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030: 1.614.420 triệu đồng, phân bổ kế hoạch vốn hỗ trợ ngân sách của 55 xã theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình. Giao Hội đồng nhân dân các xã phân bổ theo quy định tại Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định.

2. Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 628.584 triệu đồng cho 03 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang.

(Kèm theo Phụ lục I)

Điều 2. Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 là 47.997.021 triệu đồng (trong đó, phân bổ 90% để thực hiện là 43.270.515 triệu đồng; dự phòng chung 10% là 4.726.506 triệu đồng), cụ thể:

1. Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 theo từng nguồn vốn:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong nước (vốn ngân sách tập trung): 11.277.287 triệu đồng (Phân bổ 90% để thực hiện là 10.149.531 triệu đồng, dự phòng chung 10% là 1.127.756 triệu đồng):

- Vốn ngân sách tỉnh quản lý: 2.819.327 triệu đồng (phân bổ 90% để thực hiện là 2.537.394 triệu đồng, dự phòng chung 10% là 281.933 triệu đồng);

- Vốn ngân sách xã, phường quản lý theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ (gồm cả đầu tư, nâng cấp các tuyến đường đất đen khu vực dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh): 8.457.960 triệu đồng (phân bổ 90% để thực hiện là 7.612.137 triệu đồng, dự phòng chung 10% là 845.823 triệu đồng).

b) Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 4.887.500 triệu đồng (phân bổ 90% để thực hiện là 4.398.750 triệu đồng, dự phòng chung 10% là 488.750 triệu đồng):

- Vốn ngân sách tỉnh quản lý: 2.777.500 triệu đồng (phân bổ 90% để thực hiện là 2.499.750 triệu đồng, dự phòng chung 10% là 277.750 triệu đồng);

- Vốn ngân sách xã, phường quản lý (gồm cả đầu tư, nâng cấp các tuyến đường đất đen khu vực dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh): 2.110.000 triệu đồng (phân bổ 90% để thực hiện là 1.899.000 triệu đồng, dự phòng chung 10% là 211.000 triệu đồng).

c) Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 31.100.000 triệu đồng (Phân bổ 90% để thực hiện là 27.990.000 triệu đồng, dự phòng chung 10% là 3.110.000 triệu đồng):

- Vốn ngân sách tỉnh quản lý: 30.034.478 triệu đồng (phân bổ 90% để thực hiện là 26.924.478 triệu đồng, dự phòng chung 10% là 3.110.000 triệu đồng);

- Vốn hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách xã, phường quản lý áp dụng theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ (gồm cả đầu tư, nâng cấp các tuyến đường đất đen khu vực dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh): 1.065.522 triệu đồng (phân bổ đủ 100% kế hoạch vốn).

d) Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (vốn ODA ngân sách địa phương vay lại): 247.704 triệu đồng; giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 khi có dự án đủ điều kiện vay.

đ) Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025: 482.359 triệu đồng; giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 khi xác định được số vốn tăng thu hằng năm các năm tiếp theo.

e) Chi đầu tư từ vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước: 2.171 triệu đồng; giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 khi có vốn của nhà tài trợ nộp vào ngân sách để chi đầu tư thực hiện dự án.

2. Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 theo từng ngành, lĩnh vực:

a) Vốn ngân sách tỉnh quản lý là 36.363.539 triệu đồng:

- Phân bổ 90% để thực hiện là 32.693.856 triệu đồng:

+ Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: 2.430.570 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết dự phòng kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định;

+ Y tế, dân số và gia đình: 2.430.793 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết dự phòng kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định;

+ Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 2.308.511 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết dự phòng kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định;

+ Văn hóa: 972.022 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết dự phòng kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định;

+ Khu công nghiệp, khu kinh tế: 160.000 triệu đồng;

+ Thể dục, thể thao: 10.554 triệu đồng;

+ Phát thanh, truyền hình, thông tấn: 14.554 triệu đồng;

+ Hạ tầng đô thị: 190.610 triệu đồng;

+ Công nghiệp: 1.659 triệu đồng;

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 3.438.612 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết dự phòng kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định;

+ Giao thông: 12.521.050 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết dự phòng kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định;

+ Quản lý nhà nước: 815.100 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết dự phòng kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định;

+ Quốc phòng, an ninh: 2.855.774 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết dự phòng kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định;

+ Quy hoạch: 26.000 triệu đồng;

+ Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030: 1.420.690 triệu đồng, phân bổ chi tiết cho 53 xã, phường (giao Hội đồng nhân dân các xã, phường phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định) và 01 nhiệm vụ chi đầu tư hạ tầng cho các sở, ngành (giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho từng dự án sau khi đủ điều kiện theo quy định);

+ Thanh toán khối lượng tồn đọng sau quyết toán: 50.000 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết sau khi dự án đủ điều kiện theo quy định;

+ Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: 46.625 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết sau khi dự án đủ điều kiện theo quy định;

+ Ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh: 1.811.000 triệu đồng;

+ Cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: 794.327 triệu đồng theo mức vốn tối thiểu được quy định (Quỹ Bảo vệ môi trường: 10.000 triệu đồng; Quỹ Hỗ trợ Nông dân tỉnh: 42.977 triệu đồng; Quỹ Phát triển đất 66.350 triệu đồng; Quỹ Nhà ở: 675.000 triệu đồng);

+ Phần thưởng bằng hình thức hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình không quá 10 tỷ/xã cho các xã hoàn thành đúng kế hoạch bàn giao mặt bằng thực hiện tuyến đường bộ cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, đường giao thông ra đảo Hòn Khoai và cảng Hòn Khoai trước ngày 15/12/2025 theo Kế hoạch số 0200/KH-UBND ngày 22/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh: 70.000 triệu đồng;

+ Số vốn tiết kiệm khi phân bổ Kế hoạch vốn năm 2026 (5%) theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ: 325.405 triệu đồng.

- Dự phòng chung 10%: 3.669.683 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn.

b) Vốn ngân sách xã, phường quản lý là 11.633.482 triệu đồng (gồm cả đầu tư, nâng cấp các tuyến đường đất đen khu vực dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh):

- Phân bổ 90% để thực hiện là 10.576.659 triệu đồng (riêng nguồn xổ số kiến thiết hỗ trợ phân bổ 100%), Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý chi, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định đối với nguồn ngân sách tập trung và nguồn xổ số kiến thiết. Riêng đối với nguồn thu tiền sử dụng đất, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ cho các xã, phường sau khi quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2026 - 2030 được ban hành.

- Dự phòng chung 10%: 1.056.823 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ cho các xã, phường trong năm 2030 theo khả năng cân đối thực tế của nguồn vốn.

(Kèm theo Phụ lục II)

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) thông qua ngày 17 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương trong nước giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1)
(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương trong nước giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	20	27	28
	TỔNG SỐ							5.829.401	3.299.420		5.819.150	3.299.420		1.391.594	1.056.416	2.243.004		
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA							3.035.110	1.614.420		3.035.110	1.614.420		0	0	1.614.420		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030						257/2025/QH15 ngày 11/12/2025	3.035.110	1.614.420		3.035.110	1.614.420				1.614.420	Hỗ trợ ngân sách xã (xã quyết định đầu tư và quản lý chi), UBND xã trình HĐND cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình theo quy định tại Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của Chương trình	Theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ
1	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK (Hệ số 57)															64.590		
-	Xã Khánh Lâm															32.295		
-	Xã Thanh Tùng															32.295		
2	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK (Hệ số 55)															94.050		
-	Xã Vĩnh Hậu															31.350		
-	Xã Đá Bạc															31.350		
-	Xã Hồng Dân															31.350		
3	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK (Hệ số 54)															184.680		
-	Xã Khánh Bình															30.780		
-	Xã Khánh Hưng															30.780		
-	Xã Cái Đôi Vàm															30.780		
-	Xã Quách Phẩm															30.780		
-	Xã Vĩnh Phước															30.780		

[illegible]

[illegible]

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II
Kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP							
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó															
												Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)								Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
	TỔNG SỐ							47.466.294	32.293.969		44.345.143	29.175.572		14.019.248	5.252.557	51.634.838	47.997.021	11.277.287	4.887.500	31.100.000	247.704	482.359	2.171				
A	NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ							47.466.294	32.293.969		44.345.143	29.175.572		14.019.248	5.252.557	40.001.356	36.363.539	2.819.327	2.777.500	30.034.478	247.704	482.359	2.171				
A.1	PHẦN BỐ 90%							47.466.294	32.293.969		44.345.143	29.175.572		14.019.248	5.252.557	36.331.673	32.693.856	2.537.394	2.499.750	26.924.478	247.704	482.359	2.171				
I	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP							1.690.307	1.689.907		1.685.732	1.685.332		197.567	197.267	2.450.670	2.430.570	0	0	2.414.117	0	16.453	0				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							418.984	418.984		418.705	418.705		190.945	190.945	202.770	202.770	0	0	202.770	0	0	0				
1	Dự án xây dựng trường THCS Võ Thị Sáu	7941878	C	Xã Gành Hào	26 phòng học, phòng bộ	2021 - 2026	587/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 190/QĐ-UBND ngày 24/5/2023; 208/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	44.537	44.537	1677/QĐ-UBND ngày 08/9/2023; 1452/QĐ-UBND ngày 14/8/2024; 01994/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	44.472	44.472	2024	10.320	10.320	31.680	31.680			31.680					UBND xã Long Điền		
2	Trường THCS Phan Ngọc Hiến (giai đoạn 1), thị trấn Cái Đôi Vàm	8025277	C	Xã Cái Đôi Vàm	Công trình dân dụng	2023 - 2026	2335b/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	27.782	27.782	2549/QĐ-UBND ngày 06/10/2022; 5123/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; 01993/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	27.782	27.782	2024	11.594	11.594	16.188	16.188			16.188					UBND xã Cái Đôi Vàm		
3	Dự án xây dựng Trường Tiểu học Phùng Ngọc Liêm	8000199	C	Phường Bạc Liêu	15 phòng học	2022 - 2026	233/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	33.162	33.162	1770/QĐ-UBND ngày 21/9/2023; 01874/QĐ-UBND ngày 26/11/2025	33.005	33.005	2024	17.093	17.093	10.609	10.609			10.609					UBND phường Bạc Liêu		
4	Trường mẫu giáo Phong Phú, phường Láng tròn (giai đoạn 1)	8103065	C	Phường Láng Tròn	Khối 9 phòng học	2024 - 2026	2453/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	14.968	14.968	3204/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	14.939	14.939	2024	12.147	12.147	261	261			261					UBND phường Giá Rai		
5	Trường tiểu học Giá Rai B, khóm 1, phường 1 (giai đoạn 1)	8107371	C	Phường Giá Rai	01 trệt 02 lầu	2024 - 2026	2452/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	14.950	14.950	3205/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	14.927	14.927	2024	7.915	7.915	6.243	6.243			6.243					UBND phường Giá Rai		
6	Xây dựng Trường tiểu học Phong Phú A (dời về điểm mới)	8053935	B	Phường Láng Tròn	XD 03 khối nhà, 01 nhà đa năng	2023 - 2026	3099/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	66.700	66.700	4122/QĐ-UBND ngày 23/10/2023; 02014/QĐ-UBND ngày 08/12/2025	66.696	66.696	2023	45.133	45.133	19.689	19.689			19.689					UBND phường Giá Rai		
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	7993315	C	Xã Đất Mới	Công trình dân dụng	2023 - 2026	194/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	14.936	14.936	277/QĐ-UBND ngày 18/10/2022; 1287/QĐ-SXD ngày 25/12/2025	14.935	14.935	2024	9.167	9.167	5.000	5.000			5.000					UBND xã Năm Căn		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó						Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước		
														Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất				Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025						
8	Dự án Trường Trung học cơ sở xã Đất Mới, huyện Năm Căn	8039855	C	Xã Đất Mới	Công trình dân dụng	2023 - 2026	257/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	44.985	44.985	342/QĐ-UBND ngày 08/11/2022; 01995/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	44.985	44.985	2024	19.576	19.576	25.000	25.000				25.000				UBND xã Năm Căn		
9	Dự án Trường THPT Gành Hào	7942583	B	Xã Gành Hào	46 phòng học và các công trình khác	2021 - 2027	576/QĐ-UBND ngày 23/12/2021; 14/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	95.964	95.964	1310/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	95.964	95.964	2024	34.900	34.900	54.100	54.100				54.100				Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
10	Xây dựng Trường Tiểu học Thạnh Bình	8100763	B	Xã Phong Thạnh	3,012m2	2023 - 2026	4391/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	61.000	61.000	2469/QĐ-UBND ngày 17/6/2024; 02013/QĐ-UBND ngày 08/12/2025	61.000	61.000	2024	23.100	23.100	34.000	34.000				34.000				UBND phường Giá Rai		
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							1.271.323	1.270.923		1.267.027	1.266.627		6.622	6.322	1.180.900	1.160.800	0	0	1.144.347	0	16.453	0				
1	Dự án cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng Nghề Bạc Liêu - Cơ sở 2	8159644	C	Xã Hoà Bình	Công trình dân dụng	2025 - 2027	257/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	4.999	4.999	924/QĐ-SXD ngày 05/11/2025	4.645	4.645	2026	222	222	4.200	4.200				4.200				Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
2	Dự án Nâng cấp, cải tạo các khối nhà cơ sở 2, Trường Đại học Bạc Liêu	8141403	B	Phường Bạc Liêu	10.915,6m2	2025 - 2027	443/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	42.241	42.241	01433/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	42.241	42.241	2026	1.000	1.000	39.000	39.000				39.000				Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
3	Dự án xây dựng Trường THPT Hiệp Thành	8159645	C	Phường Hiệp Thành	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới và mua sắm thiết bị	2026 - 2029	254/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	90.622	90.622	02341/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	88.669	88.669	2026	1.500	1.500	82.000	82.000				82.000				Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
4	Dự án Xây dựng Trường THPT Tân Phong (Giai đoạn 2)	8166997	C	Xã Phong Thạnh	Cải tạo, xây dựng mới, mua sắm thiết bị	2026 - 2028	01703/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	54.346	54.346	230/QĐ-UBND ngày 22/01/2026	54.115	54.115	2026	500	500	50.000	50.000				50.000				Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
5	Dự án Cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT Ninh Quới	8166995	C	Xã Ninh Quới	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, mua sắm thiết bị	2026 - 2028	01704/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	41.045	41.045	225/QĐ-UBND ngày 22/01/2026	40.699	40.699	2026	500	500	36.000	36.000				36.000				Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
6	Dự án Xây dựng Trường Trung học phổ thông Lê Thị Riêng	8166996	C	Xã Hòa Bình	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, mua sắm thiết bị	2026 - 2028	01721/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	82.095	82.095	246/QĐ-UBND ngày 23/01/2026	81.583	81.583	2026	600	600	75.000	75.000				75.000				Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
7	Dự án Xây dựng Trường THPT Nguyễn Trung Trực (giai đoạn 2)	8166998	C	Phường Giá Rai	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, mua sắm thiết bị	2026 - 2028	01875/QĐ-UBND ngày 26/11/2025	65.645	65.645	224/QĐ-UBND ngày 22/01/2026	65.448	65.448	2026	1.000	1.000	60.000	60.000				60.000				Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
8	Dự án Cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT Diên Hải	8167544	C	Xã Long Diên	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, mua sắm thiết bị	2026 - 2028	01873/QĐ-UBND ngày 26/11/2025	64.773	64.773	245/QĐ-UBND ngày 23/01/2026	64.693	64.693	2026	500	500	60.000	60.000				60.000				Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó								
																			Chỉ đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước			
9	Dự án Cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT Định Thành	8167248	C	Xã Định Thành	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, mua sắm thiết bị	2026 - 2028	01872/QĐ-UBND ngày 26/11/2025	58.034	58.034	228/QĐ-UBND ngày 22/01/2026	57.800	57.800	2026	500	500	52.000	52.000					52.000			Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
10	Dự án Trường Tiểu học 1 xã Phan Ngọc Hiển	8178972	C	Ấp Kiến Vàng	Xây dựng mới	2025 - 2027	2617/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	34.392	34.392	2711/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	34.392	34.392	2026			32.000	32.000					32.000			Hỗ trợ ngân sách xã Phan Ngọc Hiển		
11	Dự án Nâng cấp, mở rộng công trình Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Cà Mau (nay là Trường Giáo dục chuyên biệt tỉnh Cà Mau)	8188211	C	Phường Tân Thành	Cải tạo, xây dựng mới, mua sắm thiết bị dạy và học	2025 - 2027	211/QĐ-UBND ngày 21/01/2026	47.258	47.258	2062/QĐ-UBND ngày 04/6/2026	46.869	46.869	2026			44.000	44.000					36.500		7.500	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
12	Trường Tiểu học Hòa Thành 2		C	Phường Hòa Thành	Xây dựng mới, cải tạo	2026 - 2027	397/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	22.874	22.874	647/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	22.874	22.874	2026			20.000	20.000					13.000		7.000	Hỗ trợ ngân sách phường Hòa Thành (phường quyết định đầu tư, quản lý chi)		
13	Dự án nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Võ Thị Sáu	8042530	C	Phường Tân Thành	Nâng cấp, sửa chữa	2026 - 2028	4443/QĐ-UBND ngày 10/8/2023; 2030/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	47.623	47.223	400/QĐ-UBND ngày 22/01/2024; 2910/QĐ-UBND ngày 15/7/2026	47.623	47.223	2026	300		45.100	45.000					45.000			Hỗ trợ ngân sách phường Tân Thành (phường quyết định đầu tư và quản lý chi)		
14	Dự án Trường Tiểu học 5 Sông Đốc	8180837	C	Xã Sông Đốc	Xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa	2026 - 2028	1183/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	57.482	57.482	1269/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	57.482	57.482	2026			54.000	34.000					34.000			Hỗ trợ ngân sách xã Sông Đốc (xã quyết định đầu tư và quản lý chi)		
15	Dự án đầu tư xây dựng các Trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia	8172563	B	Các xã, phường: Phan Ngọc Hiển; Đất Mới; Sông Đốc; Thới Bình; Trí Phái; Đầm Dơi; Lương Thế Trân; Năm Căn, An Xuyên	Xây dựng 10 THPT	2026 - 2027	162/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	349.118	349.118		349.118	349.118				330.000	330.000					330.000			Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
16	Dự án đầu tư xây dựng nhà đa năng, phòng học tại các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Cà Mau		B	Các xã Cái Nước, xã Khánh An, xã Khánh Lâm, xã Lương Thế Trân, xã Đầm Dơi, xã U Minh, xã Sông Đốc	Xây dựng nhà đa năng và phòng học tại 07 Trường THPT	2025 - 2027	712/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	109.803	109.803		109.803	109.803				104.800	104.800					104.000		800	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
17	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Trường Chính trị tỉnh Cà Mau đạt chuẩn mức 1		C	Phường Bạc Liêu	Cải tạo, sửa chữa	2026 - 2028	1054/QĐ-UBND ngày 02/4/2026	16.625	16.625		16.625	16.625				15.000	15.000					14.347		653	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
18	Dự án mua sắm bổ sung trang thiết bị và cải tạo hạng mục sụt lún tại Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu		C	Phường Bạc Liêu	Mua sắm thiết bị và cải tạo, sửa chữa	2026 - 2028	1039/QĐ-UBND ngày 01/4/2026	4.976	4.976		4.976	4.976				4.300	4.300					4.300			Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu		
19	Dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy và học đến năm 2025 thuộc Đề án Mua sắm trang thiết bị đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2025		C	Tỉnh Cà Mau	Mua sắm trang thiết bị	2026 - 2027	1912/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	77.372	77.372		77.372	77.372				73.500	73.500					73.000		500	Sở Giáo dục và Đào tạo		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP									
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó																	
												Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)								Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước					
(3)	ĐƯ' PHÒNG (Dự kiến bố trí đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn 1 từ năm 2026 đến năm 2030 và các dự án khác khi đủ điều kiện)																1.067.000	1.067.000									UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định	Theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Trung ương, mức chi NSNN cho giáo dục và đào tạo đạt tối thiểu 20% tổng chi NSNN, trong đó phân bổ chi đầu tư đạt ít nhất 5% tổng chi NSNN và chi cho giáo dục đại học đạt ít nhất 3% tổng chi NSNN. Do hiện nay chưa xác định được tổng chi NSNN trong giai đoạn 2026 - 2030 nên tạm thời bố trí đạt tối thiểu 5% (2.430 tỷ đồng) tổng chi đầu tư phát triển trong giai đoạn 2026 - 2030 (48.586 tỷ đồng)	
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH							4.355.907	2.008.594		4.333.202	1.985.889		2.812.986	566.473	2.430.793	2.430.793		0		0	2.381.405		0	49.388		0		
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							4.136.493	1.789.180		4.113.788	1.766.475		2.812.793	566.280	988.862	988.862		0		0	941.562		0	47.300		0		
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh	7982640	A	P. Hòa Thành	1.200 giường	2020 - 2026	05/NQ-HĐND ngày 10/7/2020; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	3.322.575	975.262	2759/QĐ-UBND ngày 16/11/2022; 01849/QĐ-UBND ngày 24/11/2025	3.301.653	954.340	2023	2.327.342	80.829	790.000	790.000										Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
2	Dự án xây dựng, mở rộng khu điều trị nội trú cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu (giai đoạn 3)	7939596	B	Phường Bạc Liêu	350 giường	2021 - 2026	113/QĐ-UBND ngày 09/02/2022	279.180	279.180	2302/QĐ-UBND ngày 31/12/2022; 01826/QĐ-UBND ngày 23/11/2025	279.180	279.180	2023	199.071	199.071	13.500	13.500										Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
3	Dự án Mua sắm trang thiết bị y tế triển khai kỹ thuật cao thuộc Đơn vị Tim mạch can thiệp của Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu	8160597	C	P. Bạc Liêu	Mua sắm trang thiết bị	2025 - 2027	26/QĐ-UBND ngày 06/02/2025	52.309	52.309	01221/QĐ-UBND ngày 01/10/2025	50.526	50.526	2025	466	466	48.062	48.062										Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu		
4	Dự án đầu tư hạ tầng chung các công trình lĩnh vực Y tế	7874567	B	P. Hòa Thành	3,52km	2021 - 2026	2379/QĐ-UBND ngày 09/12/2020; 2814/QĐ-UBND ngày 24/11/2022; 1765/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; 692/QĐ-UBND ngày 14/3/2026	346.833	346.833	2004/QĐ-UBND ngày 29/9/2021; 2915/QĐ-UBND ngày 09/12/2022; 2150/QĐ-UBND ngày 31/10/2024; 2158/QĐ-UBND ngày 12/6/2026	346.833	346.833	2022	273.314	273.314	22.300	22.300							22.300			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
5	Dự án nâng cấp Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Cà Mau	7004686	B	Phường Tân Thành	120 giường bệnh	2021 - 2028	2764/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; 876/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	135.596	135.596	2224/QĐ-UBND ngày 26/8/2022; 1992/QĐ-UBND ngày 30/5/2026	135.596	135.596	2023	12.600	12.600	115.000	115.000							90.000	25.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cà Mau		
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							219.414	219.414		219.414	219.414		193	193	207.931	207.931		0		0	205.843		0	2.088		0		
1	Dự án Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho Bệnh viện Quân Dân y Bạc Liêu	8156874	C	Phường Bạc Liêu	Mua sắm trang thiết bị y tế	2025 - 2026	13/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	30.256	30.256	01400/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	30.256	30.256	2026	193	193	29.000	29.000									29.000		Bệnh viện Quân Dân y Bạc Liêu	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó								
																			Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước			
2	Dự án mua sắm thiết bị y tế cấp thiết cho ngành Y tế tỉnh Cà Mau năm 2026		B	21 cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh	Mua sắm thiết bị y tế	2026	656/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	165.221	165.221		165.221	165.221				157.000	157.000				155.843		1.157		Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
3	Dự án mua 03 thang máy mới cho khối nhà A (khối kỹ thuật nghiệp vụ) và khối nhà C (khối nhà Sân - Nhì) của Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu	8184852	C	Phường Bạc Liêu	Cài tạo, đầu tư mua sắm, lắp đặt 03 thang máy	2026 - 2027	358/QĐ-UBND ngày 30/01/2026	12.892	12.892		12.892	12.892				11.517	11.517				11.000		517		Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu		
4	Dự án Hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại và xe tải chở rác thải y tế cho Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu	8184532	C	Phường Bạc Liêu	01 hệ thống xử lý chất thải rắn, 02 xe chở rác thải y tế	2026 - 2028	570/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	11.045	11.045		11.045	11.045				10.414	10.414				10.000		414		Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu		
(3)	DỰ PHÒNG (Dự kiến bố trí đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn 1 từ năm 2025 đến năm 2030 và các dự án khác khi đủ điều kiện)															1.234.000	1.234.000				1.234.000				UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định	Tam thời bố trí đạt tối thiểu 5% (2.430 tỷ đồng) tổng chi đầu tư phát triển trong giai đoạn 2026 - 2030 (48.586 tỷ đồng) như lĩnh vực giáo dục	
III	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỞ							506.840	506.840		474.298	474.298		1.294	1.294	2.308.511	2.308.511	0	0	2.306.217	0	2.294	0				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							5.124	5.124		5.124	5.124		1.079	1.079	2.845	2.845	0	0	2.845	0	0	0				
1	Dự án thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ đã chỉnh lý của Sở Tư pháp trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị	8160831	C	P. Tân Thành	Số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ	2025 - 2026	289/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	5.124	5.124	1481/QĐ-UBND ngày 26/6/2025; 01456/QĐ-UBND ngày 21/10/2025	5.124	5.124	2025	1.079	1.079	2.845	2.845			2.845				Sở Tư pháp			
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							501.716	501.716		469.174	469.174		215	215	441.678	441.678	0	0	439.384	0	2.294	0				
1	Dự án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 3	8147706	C	Phường Bạc Liêu	5.795.684 trang	2025 - 2026	160/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	24.786	24.786	01714/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	24.391	24.391	2026	215	215	23.000	23.000			23.000				Sở Nội vụ			
2	Dự án đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2025 - 2028		B	Các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Nâng cấp hạ tầng, mua sắm thiết bị	2026 - 2028	232/QĐ-UBND ngày 22/01/2026	216.864	216.864	2997/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	206.230	206.230	2026			198.917	198.917			198.133		784		Văn phòng Tỉnh ủy			
3	Dự án chỉnh lý, số hóa tài liệu tại Kho Lưu trữ của Tỉnh ủy		C	Phường Bạc Liêu	Chỉnh lý, số hóa tài liệu	2026 - 2028	238/QĐ-UBND ngày 22/01/2026	49.624	49.624	2998/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	38.492	38.492	2026			35.260	35.260			35.000		260		Văn phòng Tỉnh ủy			
4	Dự án Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin cấp xã		B	64 xã, phường	Bổ sung, thay thế thiết bị người dùng; nâng cấp hạ tầng mạng	2026 - 2027	513/QĐ-UBND ngày 24/02/2026	106.225	106.225	2460/QĐ-UBND ngày 30/6/2026	106.225	106.225	2026			99.100	99.100			98.826		274		Sở Khoa học và Công nghệ			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó								
																			Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước			
5	Dự án đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ triển khai thực hiện Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh Cà Mau		C	Tỉnh Cà Mau	Mua sắm các loại trang thiết bị	2026	434/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	9.768	9.768	2671/QĐ-UBND ngày 15/7/2026	9.768	9.768	2026			9.201	9.201			9.000		201		Công an tỉnh			
6	Dự án Số hóa hồ sơ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau		C	Tỉnh Cà Mau	Số hóa và ứng dụng phần mềm phân tích	2026 - 2027	1355/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	74.000	74.000	2945/QĐ-UBND ngày 07/8/2026	63.619	63.619	2026			58.000	58.000			57.425		575		Sở Nông nghiệp và Môi trường			
7	Dự án số hóa tài liệu lưu trữ trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2026		C	Phường Tân Thành	Số hóa tài liệu lưu trữ	2026 - 2027	2195/QĐ-UBND ngày 16/6/2026	20.449	20.449		20.449	20.449	2026			18.200	18.200			18.000		200		Sở Nội vụ			
(3)	DỰ PHÒNG (Dự kiến bố trí cho các dự án khi đủ điều kiện)															1.863.988	1.863.988			1.863.988			UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định	Theo Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh			
IV	VĂN HÓA							745.648	626.259		745.636	626.247		9.627	9.627	1.091.411	972.022	0	0	911.944	0	60.078	0				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							16.867	16.867		16.867	16.867		9.520	9.520	6.255	6.255	0	0	1.755	0	4.500	0				
1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng trong Trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Hưng Tây	8085473	C	Xã Nguyễn Việt Khái	Xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị	2024 - 2026	1581/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	10.099	10.099	4267/QĐ-UBND ngày 07/11/2023; 1297/QĐ-SXD ngày 29/12/2025	10.099	10.099	2024	7.620	7.620	1.755	1.755			1.755				UBND xã Cái Đôi Vàm			
2	Dự án Tu bổ, chống xuống cấp di tích lịch sử cấp Quốc gia Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, xã Châu Thới	8097013	C	Xã Châu Thới	Tu bổ, chống xuống cấp	2024 - 2026	189/QĐ-UBND ngày 11/7/2024	6.768	6.768	124/QĐ-STC ngày 02/6/2025; 1285/QĐ-SXD ngày 25/12/2025	6.768	6.768	2025	1.900	1.900	4.500	4.500					4.500		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							585.514	585.514		585.502	585.502		107	107	551.889	551.889	0	0	520.189	0	31.700	0				
1	Dự án sửa chữa, cải tạo khu di tích lịch sử cấp tỉnh - Bia tưởng niệm chiến thắng Lộc Ninh, huyện Hồng Dân	8131524	C	Xã Hồng Dân	Sửa chữa, cải tạo	2024 - 2026	335/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	4.827	4.827	136/QĐ-STC ngày 16/6/2025	4.827	4.827	2026			4.800	4.800			4.800				UBND xã Hồng Dân			
2	Dự án chuyển đổi chất liệu tranh phù điêu trên Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ và cải tạo, xây dựng các hạng mục phụ trợ tại Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bạc Liêu		C	Xã Hòa Bình	Chuyển đổi chất liệu	2025 - 2026	135/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	5.641	5.641	392/QĐ-SXD ngày 15/4/2026	5.629	5.629	2026			5.389	5.389			389		5.000		Sở Nội vụ			
3	Dự án xây dựng sửa chữa, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh Cà Mau, phường An Xuyên	8172571	C	Phường An Xuyên	Sửa chữa, nâng cấp	2025 - 2027	02085/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	29.006	29.006	1271/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	29.006	29.006	2026	37	37	27.500	27.500			17.500		10.000		Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau			
4	Dự án Trưng tu, nâng cấp Đền thờ 10 Anh hùng liệt sỹ khởi nghĩa Hòn Khoai	8172570	C	Phường An Xuyên	Trùng tu, nâng cấp	2025 - 2027	01998/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	6.111	6.111	1431/QĐ-UBND ngày 21/4/2026	6.111	6.111	2026	9	9	5.700	5.700			2.500		3.200		Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó						Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước		
																			Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025				
5	Dự án Trung tu, nâng cấp Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	8172564	C	Phường An Xuyên	Trồng tu, nâng cấp	2025 - 2027	02188/QĐ-UBND ngày 20/12/2025	44.575	44.575	1299/QĐ-UBND ngày 13/4/2026	44.575	44.575	2026	61	61	42.000	42.000				30.000		12.000		Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
6	Dự án xây dựng sửa chữa, cải tạo, chống thấm dột và chống bám bẩn mái công trình các khối nhà A, B, C thuộc Trung tâm triển lãm văn hóa - nghệ thuật và Nhà hát Cao Văn Lầu	8183970	C	Phường Bạc Liêu	Cải tạo, sửa chữa	2026 - 2027	690/QĐ-UBND ngày 13/3/2026	16.264	16.264		16.264	16.264				15.000	15.000				14.000		1.000		Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
7	Dự án đầu tư xây dựng Đền tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ và người có công tỉnh Cà Mau và hệ thống hạ tầng kỹ thuật (nguồn vốn đầu tư công)	8195387	B	Phường An Xuyên	9,0 ha	2026 - 2028	1842/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	340.134	340.134		340.134	340.134				320.000	320.000				320.000				Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
8	Dự án tu bổ, chống xuống cấp di tích lịch sử cấp Quốc gia đặc biệt Căn cứ Cai Chanh, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu		C	Xã Ninh Thạnh Lợi		2025 - 2026	248/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	1.216	1.216		1.216	1.216				1.000	1.000				1.000				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
9	Dự án đầu tư tu sửa cấp thiết di tích Quốc gia đặc biệt Khảo cổ Vĩnh Hưng, xã Châu Thới		C	Xã Châu Thới	Tu sửa	2026 - 2028	1474/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	14.401	14.401		14.401	14.401				13.500	13.500				13.500				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
10	Dự án đầu tư cầu giao thông kết hợp kê bảo vệ bờ biển tại Khu tương đài kỷ niệm chuyển tàu tập kết ra Bắc năm 1954		C	Xã Sông Đốc	980m	2026 - 2028	2492/QĐ-UBND ngày 02/7/2026	123.339	123.339		123.339	123.339				117.000	117.000				116.500		500		Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
(3)	Đổi ứng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030							143.267	23.878		143.267	23.878				143.267	23.878						23.878		UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho từng chủ đầu tư cấp tỉnh và địa phương sau khi đủ điều kiện theo quy định	Tỷ lệ bố trí vốn đối ứng NSDP của tỉnh Cà Mau là 20% số vốn NSTW hỗ trợ theo Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, Thủ tướng Chính phủ chưa giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030 nên chưa xác định mức vốn đối ứng, nên tạm giao bằng Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã giao	
(4)	ĐỊ PHÒNG (Dự kiến bố trí đổi ứng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 các năm còn lại (ngoài năm 2026) và các dự án khác khi đủ điều kiện)															390.000	390.000				390.000				UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định	Theo Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội, nhà nước bảo đảm chi cho văn hóa hằng năm tối thiểu 2% tổng chi NSNN và tăng dần theo yêu cầu phát triển để thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ. Do hiện nay chưa xác định được tổng chi NSNN trong giai đoạn 2026 - 2030 nên tạm thời bố trí đạt tối thiểu 2% (972 tỷ đồng) tổng chi đầu tư phát triển trong giai đoạn 2026 - 2030 (48.586 tỷ đồng)	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030									Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP								
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó																
												Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)								Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước				
V	KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ							195.799	195.799		192.828	192.828		22.000	22.000	160.000	160.000	30.000	0	130.000	0	0	0					
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							65.665	65.665		65.157	65.157		22.000	22.000	40.000	40.000	30.000	0	10.000	0	0	0					
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường N5 (giai đoạn 1) Khu công nghiệp Khánh An	8116968	C	Xã Khánh An	1.200m	2025 - 2027	1250/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	65.665	65.665	470/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	65.157	65.157	2025	22.000	22.000	40.000	40.000	30.000		10.000				Ban Quản lý Khu kinh tế				
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							130.134	130.134		127.671	127.671		0	0	120.000	120.000	0	0	120.000	0	0	0					
1	Dự án đầu tư Nâng cấp đường giao thông trục chính D6 Khu công nghiệp Khánh An (giai đoạn 2)	8169071	C	Xã Khánh An	1.694,24m	2025 - 2027	01631/QĐ-UBND ngày 06/11/2025	68.726	68.726	02420/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	66.263	66.263	2026			62.000	62.000			62.000				Ban Quản lý Khu kinh tế				
2	Dự án đầu tư xây dựng đường đầu nối đường tránh Quốc lộ 1 vào Khu công nghiệp Hòa Trung	8176718	C	Xã Lương Thế Trân	Phần đường 570m, phần Bến thủy nội địa kết hợp bãi đậu xe 200m	2026 - 2027	02445/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	61.408	61.408		61.408	61.408				58.000	58.000			58.000				Ban Quản lý Khu kinh tế				
VI	THỂ DỤC, THỂ THAO							37.708	37.708		36.852	36.852		24.682	24.682	10.554	10.554	0	0	10.554	0	0	0					
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							37.708	37.708		36.852	36.852		24.682	24.682	10.554	10.554	0	0	10.554	0	0	0					
1	Xây dựng Khu thể dục - thể thao huyện Vĩnh Lợi	8099565	C	Xã Vĩnh Lợi	10.816,6m2	2024 - 2026	223/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	37.708	37.708	313/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	36.852	36.852	2024	24.682	24.682	10.554	10.554			10.554				UBND xã Vĩnh Lợi				
VII	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN							19.568	19.568		19.554	19.554		5.000	5.000	14.554	14.554	0	0	14.554	0	0	0					
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							19.568	19.568		19.554	19.554		5.000	5.000	14.554	14.554	0	0	14.554	0	0	0					
1	Dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các hạng mục cấp thiết của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau và các cơ sở do Đài quản lý	8098040	C	P. An Xuyên	Công trình dân dụng	2025 - 2027	1455/QĐ-UBND ngày 22/7/2024	19.568	19.568	2329/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	19.554	19.554	2025	5.000	5.000	14.554	14.554			14.554				Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau				
VIII	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ							795.677	795.677		737.215	737.215		400.970	400.970	190.610	190.610	2.400	161.066	25.587	0	1.557	0					
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							787.545	787.545		729.352	729.352		400.970	400.970	183.392	183.392	2.400	161.066	19.033	0	893	0					
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Ấp 6B, xã Sông Đốc	7949335	B	Xã Sông Đốc	7,1ha	2022 - 2027	974/QĐ-UBND ngày 28/3/2022; 2292/QĐ-UBND ngày 22/6/2026; 2542/QĐ-UBND ngày 05/7/2026	101.731	101.731	2659/QĐ-UBND ngày 31/10/2022; 01972/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	61.566	61.566	2023	33.000	33.000	28.566	28.566		28.566					Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau				
2	Dự án đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phía Đông đường Bạch Đằng, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	8159036	B	Phường Hiệp Thành	176 nền	2025 - 2026	41/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	63.862	63.862	92/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	61.059	61.059	2025	1.148	1.148	55.000	55.000		55.000					UBND phường Bạc Liêu				

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó								
																			Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước			
3	Dự án nâng cấp, cải tạo, lát đá granite vỉa hè đường Bạch Đằng, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu	8159034	C	Phường Hiệp Thành	Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV	2025 - 2026	44/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	18.438	18.438	89/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	16.014	16.014	2025	10.000	10.000	1.319	1.319					1.319		UBND phường Bạc Liêu			
4	Dự án nâng cấp, cải tạo, lát đá Granite vỉa hè đường 23/8 phường 8, thành phố Bạc Liêu (doạn từ công Khu công nghiệp Trà Kha đến vòng xoay Cầu Sập)	8159032	C	Phường Bạc Liêu	1.200m	2025 - 2026	39/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	17.000	17.000	84/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	13.366	13.366	2025	7.647	7.647	1.214	1.214					1.214		UBND phường Bạc Liêu			
5	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư thuộc Khu đô thị Hành chính, Văn hóa, Thể thao và Dịch vụ tỉnh Cà Mau	7639653	B	Phường An Xuyên	15,329ha	2017 - 2026		236.514	236.514	1416/QĐ-UBND ngày 18/8/2017; 1363/QĐ-UBND ngày 14/8/2019; 1452/QĐ-UBND ngày 22/7/2024; 02441/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	236.514	236.514	2024	173.666	173.666	5.000	5.000					5.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
6	Nâng cấp các tuyến hẻm trên địa bàn Khóm 5, Phường 2 (Bao gồm: Hẻm mô tô Lành, khóm 5; Hẻm Công Xi (các tuyến nội bộ trong hẻm), Khóm 5; Hẻm cấp nhà ông La Kim Xía, Khóm 5; Hẻm cấp nhà ông Tăng Văn Quý, Khóm 5)	8150783	C	Phường Bạc Liêu	486,46m	2025 - 2026	21/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	1.587	1.587	113/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	955	955	2026	62	62	893	893					893		UBND phường Bạc Liêu			
7	Chỉnh trang đô thị vỉa hè (Bờ kè) tuyến Xóm Lung - Láng Tròn	8107369	C	Phường Láng Tròn	3.300m	2024 - 2026	2468/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	9.000	9.000	3206/QĐ-UBND ngày 09/8/2024; 423/QĐ-SXD ngày 22/4/2026	6.371	6.371	2024	2.714	2.714	2.400	2.400	2.400							UBND phường Giá Rai		
8	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư C1, C2 thuộc Khu đô thị cửa ngõ Đồng Bắc, thành phố Cà Mau	7644220	B	Phường Tân Thành	16,22ha	2017 - 2026		253.208	253.208	1571/QĐ-UBND ngày 18/9/2017; 1739/QĐ-UBND ngày 15/9/2020; 1219/QĐ-UBND ngày 20/6/2024; 01971/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	253.208	253.208	2024	166.320	166.320	20.000	20.000			20.000					Ban QLDA xây dựng công trình giao thông		
9	Dự án sắp xếp dân cư Khóm 9, Thị trấn Trần Văn Thời	8145181	C	Xã Trần Văn Thời	186 nền	2025 - 2027	7217/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; 8064/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	39.987	39.987	8312/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	39.987	39.987	2025	4.780	4.780	32.000	32.000			32.000					UBND xã Trần Văn Thời		
10	Dự án đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp Trường tiểu học Nguyễn Thị Định tại Khu địa ốc, phường 1, thành phố Bạc Liêu	8159035	C	Phường Bạc Liêu	266 nền	2025 - 2026	42/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	46.218	46.218	87/QĐ-UBND ngày 18/4/2025; 01914/QĐ-UBND ngày 29/11/2025	40.312	40.312	2025	1.633	1.633	37.000	37.000			25.500		11.500			UBND phường Bạc Liêu		
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							8.132	8.132		7.863	7.863		0	0	7.218	7.218	0	0	6.554	0	664	0				
1	Dự án san lấp, nâng cao độ nền khu tái định cư ấp Bửu 2, xã Đông Hải, tỉnh Cà Mau	8183643	C	Xã Đông Hải	58 nền	2025 - 2026	01653/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	7.263	7.263	1021/QĐ-SXD ngày 01/12/2025; 43/QĐ-SXD ngày 27/01/2026	7.110	7.110	2026			6.500	6.500					6.500			UBND xã Đông Hải		
2	Dự án san lấp 10 nền tái định cư tại khu dân cư giáp đường Bạch Đằng, phường Hiệp Thành	8183431	C	Phường Hiệp Thành	SLMB cho 10 nền tái định cư	2025 - 2026	01911/QĐ-UBND ngày 29/11/2025	869	869	172/QĐ-SXD ngày 02/3/2026	753	753	2026			718	718					54		664		Ban QLDA công trình Nông nghiệp	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó							
																				Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước		
IX	CÔNG NGHIỆP							14.900	14.900		14.746	14.746		8.641	8.641	1.659	1.659	0	0	1.659	0	0	0				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							14.900	14.900		14.746	14.746		8.641	8.641	1.659	1.659	0	0	1.659	0	0	0				
1	Dự án lắp đặt điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường trên địa bàn xã Hiệp Thành và xã Vĩnh Trạch Đông	8159033	C	Phường Hiệp Thành	37.328m	2025 - 2026	43/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	14.900	14.900	93/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	14.746	14.746	2025	8.641	8.641	1.659	1.659			1.659				UBND phường Bạc Liêu			
X	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN							8.650.889	4.453.923		8.367.704	4.196.781		3.897.141	740.780	4.232.556	3.438.612	0	64.831	3.008.786	247.704	117.291	0				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							6.283.548	2.359.732		6.141.438	2.243.665		3.879.041	722.680	1.755.583	1.234.789	0	64.831	953.081	130.654	86.223	0				
1	Dự án xây dựng các ô đê bao ngăn mặn cấp bách kết hợp các công trình giao thông đê bảo vệ và phát triển khu vực sản xuất lúa và nuôi trồng thủy sản huyện Vĩnh Lợi	7878867	B	Các xã: Vĩnh Lợi, Hưng Hội	05 công và 04 trạm bơm	2019 - 2026	16/NQ-HĐND ngày 12/7/2019; 21/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	122.681	47.981	835/QĐ-UBND ngày 28/5/2021; 1545/QĐ-UBND ngày 15/8/2023; 02245/QĐ-UBND ngày 24/12/2025	122.681	47.981	2021	103.418	28.718	5.290	5.290		5.290					UBND xã Vĩnh Lợi			
2	Dự án đầu tư kê bờ sông thành phố Bạc Liêu	7935394	B	Các phường: Bạc Liêu, Hiệp Thành	6km	2023 - 2026	539/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; 0756/QĐ-UBND ngày 26/8/2025	1.044.771	284.771	2258/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; 0947/QĐ-UBND ngày 08/9/2025	1.044.771	284.771	2023	680.740	150.740	260.484	30.484			30.484				Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
3	Dự án xử lý xói lở và gia cố lòng sông thị trấn Gành Hào (đoạn tiếp giáp Cảng cá Gành Hào), huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	7969483	B	Xã Gành Hào	939,3m	2022 - 2026	393/QĐ-UBND ngày 24/10/2022; 286/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	310.082	180.082	2209/QĐ-UBND ngày 26/12/2022; 0678/QĐ-UBND ngày 20/8/2025; 01961/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	310.082	180.082	2023	202.708	72.708	68.082	68.082			68.082				Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
4	Dự án đầu tư xây dựng Kê chống ngập dọc tuyến Quốc lộ 1A qua địa bàn tỉnh Bạc Liêu	7830064	B	Các xã: Vĩnh Mỹ, phường Láng Tròn và phường Giá Rai	12.981m	2019 - 2026	08/NQ-HĐND ngày 06/3/2020; 44/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	831.000	106.077	2129/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; 1557/QĐ-UBND ngày 08/10/2021; 1795/QĐ-UBND ngày 30/11/2021; 373/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	831.000	106.077	2020	724.923		80.000	80.000			80.000				Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
5	Dự án xây dựng, nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biển đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu - đoạn từ kênh Mương 1 đến kênh Huyện Kế	7773584	B	Các xã Vĩnh Hậu, Đông Hải, Long Điền	Xây dựng tuyến đê dài 20,64km	2019 - 2026	06/NQ-HĐND ngày 06/3/2020; 99/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	421.836	63.236	1412/QĐ-UBND ngày 26/8/2020; 1556/QĐ-UBND ngày 08/10/2021; 1391/QĐ-UBND ngày 25/6/2025; 01962/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	421.836	63.236	2020	382.958	24.358	19.820	19.820			19.820				Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
6	Dự án xây dựng, nâng cấp đê biển đông và hệ thống cống qua đê	7669700	B	Phường Hiệp Thành, xã Vĩnh Hậu, xã Gành Hào	3km đê, 10 cống, kè 674m	2017 - 2026	08/NQ-HĐND ngày 22/3/2018	351.000	69.966	1957/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 01963/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	350.947	69.913	2019	275.540	49.209	20.000	20.000			20.000				Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú	
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP						
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó							Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước						
															Chỉ đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)								Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chỉ đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chỉ đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)			Chỉ đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025
7	Dự án thành phần số 3: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Bạc Liêu (phần đối ứng của tỉnh) thuộc dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn	8060591	B	Các xã, phường: Giá Rai, Hòa Bình, Đông Hải, Gành Hào, Vĩnh Mỹ, Vĩnh Mỹ, Láng Tròn, Ninh Quới, Hồng Dân, An Trạch, Châu Thới, Phong Thạnh, Phong Hiệp, Vĩnh Phước, Long Điền	296.106m	2023 - 2027	2053/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	127.900	101.968	1853/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	127.900	101.968	2023	87.258	87.258	5.200	5.200				5.200			Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn				
8	Dự án nạo vét hệ thống thủy lợi cấp bách, tháo chua rửa mặn phục vụ sản xuất kết hợp giao thông thủy vùng Bắc và Nam Quốc lộ 1A, tỉnh Bạc Liêu	7935393	B	Các xã Châu Thới, Hòa Bình, Vĩnh Mỹ, Vĩnh Thanh, Phước Long, Ninh Quới, Vĩnh Hậu, Đông Hải	Nạo vét 03 kênh, xây dựng 04 cầu	2021 - 2026	476/QĐ-UBND ngày 09/11/2021; 172/QĐ-UBND ngày 18/01/2026	159.757	59.757	1919/QĐ-UBND ngày 14/11/2022; 806/QĐ-UBND ngày 25/3/2026	159.757	59.757	2023	102.000	2.000	44.223	44.223				44.223			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				
9	Dự án đầu tư xây dựng Bô kê chống sạt lở khu dân cư thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (giai đoạn 1)	7005815	B	Xã Năm Căn	789m	2017 - 2026	11QĐ-HĐND ngày 25/5/2017; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021; 497/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	142.436	107.436	1384/QĐ-UBND ngày 06/9/2014; 1764/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2623/QĐ-UBND ngày 25/11/2021; 1799/QĐ-UBND ngày 20/5/2026	142.436	107.436	2017	90.826	55.826	42.000	42.000				42.000			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				
10	Dự án đầu tư xây dựng bờ kè từ Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện đến Ban Chi huy Quản sự huyện		C	Xã Trần Văn Thời	771m	2024 - 2026	7767/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	25.162	25.162	7968/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	25.161	25.161	2025	6.700	6.700	16.300	16.300		16.300					UBND xã Trần Văn Thời				
11	Dự án cải tạo, nâng cấp kênh hồ phường 2, phường 5 thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 2 thuộc phường 5)	8159029	C	Phường Vĩnh Trạch	775m	2025 - 2027	46/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	28.929	28.929	90/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	28.741	28.741	2025	1.119	1.119	21.741	21.741		21.741					UBND phường Bạc Liêu				
12	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kết hợp kiến cơ hóa ở để bao phục vụ sản xuất nông nghiệp thị xã Giá Rai	7995933	C	Phường Láng Tròn	17.759,62m	2022 - 2026	412/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	60.914	60.914	2130/QĐ-UBND ngày 28/11/2024; 02227/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	60.914	60.914	2025	24.897	24.897	21.500	21.500		21.500					UBND phường Giá Rai				
13	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau	7791469	B	Các xã: Cái Đôi Vàm, Nguyễn Việt Khái, Phú Tân, Sông Đốc	19 km đê, 11 km kè	2024 - 2027	1135/QĐ-TTg ngày 04/9/2019; 23/NQ-HĐND ngày 10/10/2023; 2869/QĐ-UBND ngày 02/8/2026	959.056	502.047	443/QĐ-UBND ngày 12/3/2024; 099/QĐ-UBND ngày 07/7/2025; 01775/QĐ-UBND ngày 18/11/2025	849.274	392.265	2025	167.826	88.420	681.448	390.654			260.000	130.654			Ban Quản lý dự án Xây dựng Cà Mau				
14	Dự án đầu tư xây dựng kè Nhà Mát đoạn từ Cầu Nhà Mát đến Cổng Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu	8078588	B	Phường Hiệp Thành	5.950m	2023 - 2027	417/QĐ-UBND ngày 30/10/2023; 410/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	905.141	605.141	166/QĐ-UBND ngày 05/02/2024; 694/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	905.141	605.141	2024	310.025	40.000	450.000	450.000				450.000			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó								
																			Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước			
15	Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRSL"	7605935	B		Các hạng mục công trình	2018 - 2026	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	792.883	116.265	1563/QĐ-UBND ngày 24/9/2018; 2710/QĐ-UBND ngày 08/11/2022; 3012/QĐ-UBND ngày 21/12/2022; 2543/QĐ-UBND ngày 05/7/2026	760.797	110.221,8	2019	718.103	90.726,7	19.495	19.495					19.495			Sở Nông nghiệp và Môi trường		
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							2.367.341	2.094.191		2.226.266	1.953.116		18.100	18.100	2.101.973	1.828.823	0	0	1.680.705	117.050	31.068	0				
1	Dự án khắc phục sạt lở khu vực cửa biển Bồ Đề, xã Tam Giang	8161715	C	Xã Tam Giang	750m	2025 - 2027	01100/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	14.250	14.250	1923/QĐ-SNNMT ngày 26/12/2025	14.250	14.250	2026	500	500	13.200	13.200					13.200			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
2	Dự án nâng cấp, sửa chữa đường nội bộ Vườn chim (đường vào Khu căn cứ Thị ủy) và xây dựng mới hàng rào bảo vệ Khu rừng đặc dụng Vườn chim Bạc Liêu	8183430	C	Phường Hiệp Thành và xã Vĩnh Hậu	Đường dài 713m (bao gồm 01 cầu), hàng rào dài 4.365m	2025 - 2026	02340/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	19.985	19.985	467/QĐ-SXD ngày 07/5/2026	19.985	19.985	2026			19.050	19.050					50		19.000	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
3	Dự án Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Cà Mau	7920583	B	Các xã: Cái Nước, Tân Thuận, Tạ An Khương, Phan Ngọc Hiến, Phú Tân, Phú Mỹ		2026 - 2029	08/NQ-HĐND ngày 11/7/2024	536.000	262.850	0519/QĐ-UBND ngày 04/8/2025	536.000	262.850	2026	11.000	11.000	525.000	251.850					134.800	117.050		Ban Quản lý dự án Xây dựng Cà Mau		
4	Dự án kè chống sạt lở bảo vệ đê biển khu vực thị trấn Gành Hào (từ Kênh 3 đến ngã ba Mũi Tàu)	8160492	C	Xã Gành Hào	2.500m	2026 - 2028	285/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	114.903	114.903	01841/QĐ-UBND ngày 23/11/2025	97.210	97.210	2026	1.000	1.000	90.000	90.000					90.000			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
5	Dự án xây dựng, nâng cấp đê biển Đồng cấp bách chống biển đối khí hậu tỉnh Bạc Liêu (từ Huyện Kế hướng về Chùa Linh Ứng)	8160932	C	Xã Long Điền	2.157m	2026 - 2028	284/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	95.969	95.969	01699/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	95.969	95.969	2026	1.000	1.000	89.000	89.000					89.000			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
6	Dự án xói lở bờ biển thành phố Bạc Liêu (đoạn còn lại giữa bờ biển Vĩnh Trạch Đông và bờ biển Nhà Mát)	8160483	B	Phường Hiệp Thành	4.685,4m	2026 - 2029	283/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	198.000	198.000	02190/QĐ-UBND ngày 20/12/2025	185.127	185.127	2026	1.500	1.500	174.000	174.000					174.000			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
7	Dự án xây dựng 07 công ngăn mặn, chống triều cường bảo vệ sản xuất vùng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	8158327	B	Phường Láng Tròn và các xã Vĩnh Mỹ, Hòa Bình, Hưng Hội	07 công	2026 - 2028	109/QĐ-UBND ngày 25/3/2025	387.848	387.848	02141/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	277.389	277.389	2026	2.100	2.100	260.000	260.000					260.000			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
8	Dự án kè bờ sông thị trấn Gành Hào đoạn G6 (điểm đầu tại Rạch Cóc và điểm cuối tại ngã ba sông thị trấn Gành Hào)	8160491	B	Xã Gành Hào	2.500m	2025 - 2029	282/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	480.000	480.000	02326/QĐ-UBND ngày 28/12/2025	480.000	480.000	2026	1.000	1.000	450.000	450.000					450.000			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau		
9	Dự án thả phao ranh giới các phân khu chức năng của Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau		C	Các xã: Đất Mũi, Đá Bạc và Sông Đốc	200 phao	2025 - 2027	01352/QĐ-UBND ngày 10/10/2025	18.000	18.000	2069/QĐ-SNNMT ngày 31/12/2025	18.000	18.000	2026			16.500	16.500					16.500			Sở Nông nghiệp và Môi trường		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP									
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								Tổng số	Trong đó								
																					Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025			Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước	
10	Xây dựng bờ kè chống sạt lở tuyến đường vào chùa Hưng Thiện		C	Xã Hưng Hội	2.694m	2026 - 2028	433/QĐ-UBND ngày 02/4/2026	34.812	34.812	776/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	34.762	34.762	2026			31.000	31.000				23.000		8.000		Hỗ trợ ngân sách xã Hưng Hội (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)				
11	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng 11km mạng đường ống tại xã Biển Bạch; đầu tư công trình xử lý nước và mở rộng 17km mạng đường ống tại xã Khánh Lâm, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau		C	Các xã: Biển Bạch, Khánh Lâm, Khánh An	28.000m	2026 - 2028	02296/QĐ-UBND ngày 26/12/2025; 2749/QĐ-UBND ngày 21/7/2026	19.857	19.857		19.857	19.857				18.000	18.000				18.000				Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn				
12	Dự án xây dựng, sửa chữa các hạng mục cấp thiết tại các Cảng cá	8179668	C	Các xã, phường: Gành Hào, Sông Đốc, Cái Đôi Vàm, Phan Ngọc Hiến, Lý Văn Lâm	Xây dựng, sửa chữa 05 cảng cá	2026 - 2028	02430/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	39.961	39.961		39.961	39.961				37.000	37.000				37.000				Ban QLDA công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				
13	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão Gành Hào		B	Xã Gành Hào	15,0ha	2026 - 2029	440/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	201.435	201.435		201.435	201.435				191.611	191.611				190.000	1.611			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				
14	Dự án xây dựng cầu cạn, xây dựng đoạn lộ bê tông và kè chống sạt lở tuyến lộ sông Mang Rồ (đoạn từ cầu Kiến Vàng đến cầu Xẻo Vính) xã Nguyễn Việt Khái		C	Xã Nguyễn Việt Khái	Cầu vượt 176 m, đường 269 m, gia cố 08 vị trí sụp, lún và sạt lở 591,5 m	2026 - 2028	453/QĐ-UBND ngày 10/02/2026	7.097	7.097		7.097	7.097				6.536	6.536				6.000	536			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				
15	Kế hoạch Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững							10.000	10.000		10.000	10.000				10.000	10.000				8.155	1.845			UBND tỉnh phân bổ chi tiết khi các dự án đủ điều kiện theo quy định				
16	Dự án đầu tư nạo vét tuyến kênh trục Hoà Bình (kênh Vĩnh Lộc)		C	Các xã: Vĩnh Lộc, Hồng Dân, Phước Long	20km	2026 - 2028	2876/QĐ-UBND ngày 03/8/2026	59.997	59.997		59.997	59.997				50.048	50.048				50.000	48			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				
17	Dự án cấp nước sinh hoạt cấp bách khu vực nông thôn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030		C	Các xã Biển Bạch, Đất Mới, Đất Mũi, Đá Bạc, Trần Văn Thời và Khánh An	6.000 hộ	2026 - 2028	728/QĐ-UBND ngày 18/3/2026	110.636	110.636		110.636	110.636				105.000	105.000				105.000				Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn				
18	Dự án sửa chữa, nâng cấp các vị trí sạt lở trên địa bàn phường Hòa Thành		C	Phường Hòa Thành	640m	2026 - 2027	2800/QĐ-UBND ngày 26/7/2027	18.591	18.591		18.591	18.591				16.028	16.028				16.000	28			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau				

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó									
																		Tổng số	Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước			
(3)	DỰ PHÒNG (Dự kiến bố trí cho Dự án Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long (MERIT) - tỉnh Cà Mau để đối ứng với vốn ODA khi đủ điều kiện)															375.000	375.000									UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định	Do theo dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ODA giai đoạn 2026 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ thông báo tại Công văn số 871/TTg-KTTH ngày 24/7/2026 chi khoảng 1/3 nhu cầu của tỉnh (khả năng phải thực hiện qua 02 kỳ trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và giai đoạn 2031 - 2035), nên trước mắt dự kiến bố trí vốn đối ứng ngân sách tỉnh theo tiến độ dự kiến bố trí vốn ODA để không đối dư vốn ODA khi hoàn thành dự án; trường hợp chưa đủ vốn thực hiện sẽ bổ sung từ dự phòng chung, tăng thu các năm và số vốn tiết kiệm từ các dự án đã hoàn thành.
XI	GAO THÔNG							23.480.148	18.701.311		20.743.743	15.941.617		6.247.308	2.883.791	13.933.634	12.521.050	180.222	1.604.478	10.622.762	0	111.417	2.171				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							10.497.571	5.718.734		10.408.274	5.606.148		6.242.987	2.879.470	3.324.004	1.911.420	180.222	648.028	1.065.020	0	15.979	2.171				
1	Dự án đầu tư xây dựng các cầu (Xẻo Lớn, Ông Do, Cái Trảng, Kênh Lò, Chết Côm, Lương Thực) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn	8054251	C	Xã Năm Căn	01 cầu HL-93, 04 cầu 0,5xHL-93 và 01 cầu 0,4xHL-93	2024 - 2026	1990/QĐ-UBND ngày 09/8/2022; 1016/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	103.901	103.901	2044/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	103.901	103.901	2025	16.807	16.807	85.000	85.000			85.000						UBND xã Năm Căn	
2	Nâng cấp tuyến đường vô Khu căn cứ Tỉnh ủy (đoạn từ Xã Thoàn đến Kênh 6000 giáp huyện Hồng Dân)	8144066	C	Xã Vĩnh Phước	6.210,3m	2025 - 2026	140a/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	38.686	38.686	1855/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	38.685	38.685	2025	16.418	16.418	11.148	11.148			11.148						UBND xã Phước Long	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Danh Thị Túai đến đường Vĩnh dai 2)	8098041	C	Phường Tân Thành	630m	2024 - 2026	3897/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	40.274	40.274	5333/QĐ-UBND ngày 30/9/2024; 01679/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	38.707	38.707	2025	7.205	7.205	19.000	19.000			19.000						UBND phường An Xuyên	
4	Nâng cấp, mở rộng đường từ cầu Ông Tấn đến xóm làng An Trạch Đông, xã Vĩnh Trạch	8136893	C	Phường Vĩnh Trạch		2025 - 2026	14/QĐ-UBND ngày 26/02/2025	8.590	8.590	26/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	8.581	8.581	2025	3.851	3.851	4.499	4.499			3.720		779				UBND phường Bạc Liêu	
5	Xây dựng mới cầu Nọc Nang 3 (nối liền bờ kè giữa Phường 1 và phường Hộ Phòng)	8100764	C	Phường Giá Rai	230m	2024 - 2026	2647/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	14.962	14.962	3169/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	14.962	14.962	2024	10.716	10.716	1.800	1.800			1.800						UBND phường Giá Rai	
6	Xây dựng tuyến đường Quy hoạch D7 (đoạn vào Trường THPT Vĩnh Hưng), huyện Vĩnh Lợi	7967418	C	Xã Châu Thới	384,85m	2020 - 2026	99/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	14.979	14.979	190/QĐ-UBND ngày 02/8/2022; 201/QĐ-UBND ngày 30/5/2024; 1066/QĐ-SXD ngày 05/12/2025	14.862	14.862	2021	10.491	10.491	3.807	3.807			3.807						UBND xã Vĩnh Lợi	
7	Dự án nâng cấp, mở rộng đường vào chùa Hưng Thiện (ĐH.30B)	7919326	C	Xã Hưng Hội	3.421,5m	2021 - 2026	299/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	36.372	36.372	95/QĐ-UBND ngày 18/4/2022; 02065/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	36.372	36.372	2022	28.117	28.117	3.417	3.417			3.417						UBND xã Vĩnh Lợi	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú			
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP								
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP										Tổng số	Chỉ đầu tư XIXCB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chỉ đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			Chỉ đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chỉ đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước
8	Dự án xây dựng tuyến đường Ô đê bao Thanh Long	7941322	C	Xã Vĩnh Lợi	7.116,29m	2021 - 2026	488/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	59.975	59.975	154/QĐ-UBND ngày 15/6/2022; 02060/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	59.127	59.127	2022	50.164	50.164	7.017	7.017			7.017						UBND xã Vĩnh Lợi				
9	Xây dựng tuyến đường từ cầu kênh 6000 đầu nối dự án tuyến đê cấp bách, xã Ninh Thanh Lợi A	8086892	C	Xã Ninh Thanh Lợi	4.996,24m	2024 - 2026	1586/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	24.000	24.000	2086/QĐ-UBND ngày 07/6/2024	24.000	24.000	2024	9.335	9.335	11.913	11.913							11.913		UBND xã Hồng Dân				
10	Tuyến từ ngã 4 ấp 19 - giáp xã Vĩnh Thanh	8145023	C	Xã Vĩnh Mỹ	Đường dài 786,32m, cầu dài 35,114m	2025 - 2027	216/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	5.534	5.534	142/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	5.534	5.534	2025	5.050	5.050	254	254							254		UBND xã Hòa Bình				
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Hòa Bình - Minh Diệu	8147705	C	Xã Hòa Bình	4,3km	2025 - 2027	99a/QĐ-UBND ngày 21/5/2024	14.886	14.886	153/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	14.886	14.886	2025	13.490	13.490	512	512							512		UBND xã Hòa Bình				
12	Dự án nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Thống Nhất II kết nối vào cầu Xẻo Vệt, thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân	8062910	C	Xã Hồng Dân	2.035m	2023 - 2026	291/QĐ-UBND ngày 19/4/2023	19.360	19.360	3078/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; 02339/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	19.360	19.360	2024	8.646	8.646	5.000	5.000					3.800		1.200		UBND xã Hồng Dân				
13	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông - Tây và cầu sông Gành Hào	7875095	B	Các xã: Sông Đốc, Hưng Mỹ, Tân Hưng, Trần Phán, Đầm Dơi, Tân Thuận và Gành Hào	18 km; 02 cầu lớn	2021 - 2026	2387/QĐ-UBND ngày 10/12/2020; 977/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	2.159.555	859.555	1028/QĐ-UBND ngày 31/5/2021; 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2024; 2365/QĐ-UBND ngày 03/12/2024; 0125/QĐ-UBND ngày 10/7/2025; 01966/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	2.135.971	835.971	2021	1.884.000	584.000	30.000	30.000							30.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau				
14	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cái Nước - Vàm Đình - Cái Đôi Vàm	7907305	B	Các xã: Cái Nước, Phú Mỹ, Nguyễn Việt Khái, Cái Đôi Vàm	25,3km, 01 cầu	2021 - 2026	2003/QĐ-UBND ngày 29/9/2021; 2037/QĐ-UBND ngày 17/10/2024; 2296/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	735.562	268.555	2681/QĐ-UBND ngày 02/12/2021; 2039/QĐ-UBND ngày 17/10/2024; 01950/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	735.562	268.555	2022	504.766	40.196	15.000	15.000							15.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau				
15	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội	7907306	B	H. U Minh	18,3 km	2021 - 2026	2256/QĐ-UBND ngày 22/10/2021	760.391	180.044	2682/QĐ-UBND ngày 02/12/2021; 01894/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	759.894	179.547	2022	699.168	118.821	10.000	10.000							10.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau				
16	Dự án đầu tư xây dựng cầu Cà Be, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau	7977320	C	Xã Tân Tiến	0,65HL-93	2023 - 2026	2424/QĐ-UBND ngày 23/9/2022; 01853/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	58.617	58.617	1102/QĐ-UBND ngày 23/9/2022; 01986/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	58.617	58.617	2025	21.000	21.000	28.000	28.000							28.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau				
17	Nâng cấp, mở rộng đường huyện DH.31 (Ô đê bao Hưng Thành, đoạn từ Ngã tư Gia Hội đến Ngã ba Vàm Lều)	8099566	C	Xã Hưng Hội	11.063,99m	2024 - 2026	224/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	40.331	40.331	297/QĐ-UBND ngày 12/9/2024	40.092	40.092	2024	32.700	32.700	3.346	3.346							3.346		UBND xã Vĩnh Lợi				

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó						Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước				
																	Chỉ đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chỉ đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chỉ đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chỉ đầu tư tăng thu xã số kiến thiết năm 2025						
18	Xây dựng tuyến đường trục ấp, liên ấp Xóm Biển - Ông Linh xã Viên An	8090141	C	Xã Đất Mũi	8,1km	2023 - 2026	2901/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	33.000	27.000	1322/QĐ-UBND ngày 15/05/2024; 01863/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	32.992	26.992	2024	18.666	12.666	9.500	9.500				9.500				UBND xã Phan Ngọc Hiến		
19	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường Ta Thi Hai, xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu	8159030	C	Phường Hiệp Thành	1.873m	2025 - 2026	47/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	19.487	19.487	85/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	19.487	19.487	2025	9.989	9.989	6.693	6.693				6.693				UBND phường Bạc Liêu		
20	Sửa chữa, nâng cấp đường từ cầu Đầu Sầu đến đường dân hiện hữu	8126165	C	Xã Hồng Dân	1.113,25m	2024 - 2026	1127/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	7.018	7.018	7474/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	7.018	7.018	2024	1.714	1.714	2.000	2.000				2.000				UBND xã Hồng Dân		
21	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tả Suối xã Lộc Ninh	8094211	C	Xã Hồng Dân	4.130,31m và 02 cầu	2024 - 2026	171/QĐ-UBND ngày 19/02/2024	22.481	22.481	6808/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	22.481	22.481	2025	7.643	7.643	9.000	9.000				9.000				UBND xã Hồng Dân		
22	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tả Hồng xã Ninh Thanh Lợi (đoạn từ kênh Cộng Hòa đến ngã tư Cai Giàng)	8124389	C	Xã Ninh Thanh Lợi	4.230m và 02 cầu	2024 - 2026	1143/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	28.973	28.973	1291/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	28.973	28.973	2025	1.501	1.501	17.000	17.000				17.000				UBND xã Hồng Dân		
23	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Lộc Ninh - Ninh Thanh Lợi (đoạn từ cầu 3/2 đến cầu Xã Sang)	8097454	C	Các xã: Hồng Dân, Ninh Thanh Lợi	7.536,73m	2023 - 2026	1679/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; 1444/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	51.191	51.191	7704/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	51.191	51.191	2025	573	573	20.000	20.000				20.000				UBND xã Hồng Dân		
24	Lát gạch vỉa hè khu thương mại, khu trung tâm hành chính và khu tái định cư	8128090	C	Xã Hồng Dân	14.158,09m ²	2025 - 2027	1411/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	14.985	14.985	1292/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	14.985	14.985	2025	7.464	7.464	3.099	3.099				3.099				UBND xã Hồng Dân		
25	Dự án xây dựng tuyến đường từ Trèm Trèm đến Xẻo Quao, thị trấn Ngan Dừa	8064487	B	Xã Hồng Dân	9.227m	2023 - 2026	474/QĐ-UBND ngày 09/11/2021; 514/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	252.753	152.753	2416/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	252.753	152.753	2023	220.497	120.497	32.256	32.256				32.256				UBND xã Hồng Dân		
26	Dự án đầu tư xây dựng các cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	8014123	C	Xã Quách Phẩm	06 cầu 0,65HL-93	2023 - 2026	1985/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	62.208	62.208	929/QĐ-UBND ngày 23/5/2023; 01988/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	62.208	62.208	2024	37.352	37.352	12.051	12.051		9.000		3.051				UBND xã Đầm Dơi		
27	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tả Kỳ (đoạn từ nhà ông Truyền đến giáp ranh huyện Phước Long)	8039620	C	Xã Hồng Dân	5.450,2m, bao gồm 07 cầu	2023 - 2026	171/QĐ-UBND ngày 16/3/2023; 982/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	36.217	36.217	3515/QĐ-UBND ngày 25/9/2023; 02230/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	36.217	36.217	2023	31.348	31.348	1.500	1.500				1.500				UBND xã Hồng Dân		
28	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới, huyện Hồng Dân	8030466	C	Các xã: Hồng Dân, Ninh Quới	8,64km	2023 - 2026	172/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	37.291	37.291	3251/QĐ-UBND ngày 24/8/2023; 02229/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	37.291	37.291	2023	32.983	32.983	2.000	2.000				2.000				UBND xã Hồng Dân		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú							
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP												
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó										Tổng số	Trong đó											
																							Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước				
29	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Háng Vĩnh (đoạn từ ngã tư Vòng Xoay đến Vàm Xáng Cái Ngay)	7859367	B	Xã Năm Căn	9 km	2021 - 2026	1817/QĐ-UBND ngày 25/9/2020; 561/QĐ-UBND ngày 28/3/2023	130.731	130.731	2280/QĐ-UBND ngày 27/11/2020; 835/QĐ-UBND ngày 10/5/2023; 1850/QĐ-UBND ngày 20/9/2024; 01985/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	130.731	130.731	2021	112.500	112.500	6.000	6.000			6.000				Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau										
30	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường trục chính Đông - Tây đến chợ Chà Lả, huyện Đầm Dơi (nay thuộc xã Trần Phán, tỉnh Cà Mau)	7926871	B	Xã Trần Phán	7,4 km; 06 cầu	2022 - 2026	2400/QĐ-UBND ngày 08/11/2021; 714/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	107.117	107.117	647/QĐ-UBND ngày 10/4/2023; 1054/QĐ-UBND ngày 02/6/2025; 01997/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	107.117	107.117	2023	82.000	82.000	10.000	10.000	3.915		6.085				Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau										
31	Xây dựng tuyến đường đầu nối vào công chính Trụ sở hành chính xã Tân Hưng Tây	8129459	C	Xã Nguyễn Việt Khái	170m	2023 - 2026	2335đ/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	8.758	8.758	2551/QĐ-UBND ngày 06/10/2022; 3912/QĐ-UBND ngày 04/12/2024; 48/QĐ-SXD ngày 28/01/2026	8.758	8.758	2025	4.400	4.400	2.459	2.459			2.459				UBND xã Cái Đồi Vàm										
32	Dự án xây dựng 06 cầu giao thông nông thôn trên địa bàn xã Đất Mũi	8067484	C	Xã Đất Mũi	Công trình giao thông, cấp IV	2025 - 2026	3097/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	8.089	8.089	3159/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	8.089	8.089	2024	7.163	7.163	535,856	535,856	192				343,856	UBND xã Phan Ngọc Hiến											
33	Dự án xây dựng cầu Khai Long, xã Đất Mũi	8082945	C	Xã Đất Mũi	Công trình giao thông, cấp IV	2025 - 2026	446/QĐ-UBND ngày 05/3/2024	9.500	9.500	894/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	9.500	9.500	2025	7.064	7.064	1.826,694	1.826,694					1.826,694	UBND xã Phan Ngọc Hiến											
34	Dự án tuyến lộ bê tông Kênh Tân Lập nối dài (từ đoạn lộ bê tông hiện hữu đầu nối vào lộ cấp VI về Trung tâm xã Nguyễn Việt Khái)	8147399	C	Xã Nguyễn Việt Khái	1.059m	2025 - 2026	3908/QĐ-UBND ngày 04/12/2024; 701/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	1.993	1.993	1073/QĐ-UBND ngày 28/4/2025; 572/QĐ-SXD ngày 09/6/2026	1.983	1.983	2025	1.364	1.364	493	493	493					UBND xã Cái Đồi Vàm											
35	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện tuyến đường bộ cao tốc Cà Mau - Đất Mũi	8160159	A	Các xã: Hồ Thi Kỳ, Khánh An, Khánh Bình, Lương Thế Trân, Hưng Mỹ, Cái Nước, Phú Mỹ, Nguyễn Việt Khái, Đất Mũi, Đất Mũi.	713,09 ha	2025 - 2028	1137/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	2.028.000	1.014.000	096/QĐ-UBND ngày 07/7/2025	2.028.000	1.014.000	2025	948.811	948.811	1.079.189	65.189		65.189					Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh										
36	Dự án đầu tư xây dựng các cầu (cầu Thủy Vĩnh, cầu Trầu Trắng, cầu C4) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình	8106655	C	Xã Tân Lộc	03 cầu 0,5xHL-93	2025 - 2027	1685/QĐ-UBND ngày 06/7/2022; 923/QĐ-UBND ngày 08/5/2024	24.466	24.466	2085/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	24.465	24.465	2025	5.000	5.000	16.000	16.000		16.000					UBND xã Thới Bình										
37	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 1 đến Vĩnh Hưng (ĐT.980B) - giai đoạn 1	8132534	B	Các xã: Châu Thới, Vĩnh Lợi	14,974km	2025 - 2028	382/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	274.730	274.730	389/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	242.638	242.638	2025	30.000	30.000	200.000	200.000		200.000					UBND xã Vĩnh Lợi										

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú			
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP								
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó										Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước								
												Chỉ đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)											Chỉ từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chỉ đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chỉ đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)			Chỉ đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025		
38	Dự án đầu tư xây dựng cầu kết nối Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau (cầu Nguyễn Đình Chiểu)	8108732	B	Các phường: Lý Văn Lâm, Hòa Thành	HL-93	2024 - 2027	1897/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	499.587	499.587	2680/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	499.573	499.573	2025	7.014	7.014	460.000	460.000	175.622	222.930	61.448			Ban QLDA xây dựng công trình giao thông							
39	Dự án nâng cấp đường Trần Phú, thành phố Bạc Liêu	8000200	C	Phường Bạc Liêu	1,7km	2022 - 2026	229/QĐ-UBND ngày 14/6/2022; 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	42.605	42.605	70/QĐ-UBND ngày 16/01/2024; 02004/QĐ-UBND ngày 06/12/2025	42.594	42.594	2024	18.522	18.522	18.938	18.938			18.938			UBND phường Bạc Liêu							
40	Xây dựng tuyến đường từ Cầu Tư Cỏ đến Chùa Linh Ứng, huyện Đông Hải	7957475	B	Xã Long Điền	5.442m	2021 - 2026	473/QĐ-UBND ngày 09/11/2021; 473/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	199.268	49.268	885/QĐ-UBND ngày 06/6/2022; 49/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	199.257	49.257	2023	165.000	15.000	31.000	31.000			31.000			UBND xã Long Điền							
41	Dự án xây dựng cầu Hòa Bình 2 + Tuyến đường nối đến đường Giồng Nhãn - Gò Cát	7940684	B	Các Xã: Vĩnh Hậu, Hòa Bình	01 cầu + 10km	2021 - 2027	521/QĐ-UBND ngày 02/12/2021; 199/QĐ-UBND ngày 24/7/2024; 261/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	298.864	98.864	1517/QĐ-UBND ngày 23/8/2024; 1540/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	298.864	98.864	2025	115.981	373	158.256	73.864			73.864			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau							
42	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai ngoài - thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	7944118	B	Phường Bạc Liêu, Phường Vĩnh Trạch, Phường Hiệp Thành	8,9km	2024 - 2027	479/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	1.450.656	725.656	2269/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1.440.405	715.405	2025	594.873	184.065	775.597	461.405			461.405			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau							
43	Dự án đường vành đai trong, thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	8000198	B	Phường Vĩnh Trạch	1,7km	2025 - 2027	228/QĐ-UBND ngày 14/6/2022; 01/QĐ-UBND ngày 07/01/2025	314.430	314.430	390/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	294.393	294.393	2025	103.096	103.096	176.000	176.000			176.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau							
44	Dự án xây dựng, nâng cấp tuyến đường Ninh Quới - Ngan Dừa, huyện Hồng Dân	7733569	B	Xã Ninh Quới, Hồng Dân	10,9km	2019 - 2026	14/NQ-HĐND ngày 12/7/2019; 13/NQ-HĐND ngày 10/7/2020; 2112/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	271.637	115.154	2010/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 814/QĐ-UBND ngày 26/5/2021; 738/QĐ-UBND ngày 18/3/2026	271.637	91.865	2020	245.915	89.717	12.000	12.000			9.900		2.100	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau							
45	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường số 5 (từ giao đường số 2 đến đường số 4A), Khóm 1, Xã Trần Văn Thời	8010026	C	Xã Trần Văn Thời	116,55	2022 - 2026	6352/QĐ-UBND ngày 18/12/2022; 2218/QĐ-UBND ngày 17/6/2026	6.243	6.243	6383/QĐ-UBND ngày 25/11/2022; 717/QĐ-SXD ngày 30/6/2026	6.243	6.243	2023	2.123	2.123	3.897	3.897			3.897			UBND xã Trần Văn Thời							
46	Dự án xây dựng tuyến đường tránh chợ Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi	7904772	B	Xã Châu Thới	2.358m và 02 cầu	2021 - 2026	269/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	119.318	39.318	2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 478/QĐ-UBND ngày 25/3/2025; 02067/QĐ-UBND ngày 11/12/2025	119.318	39.318	2022	100.507	20.521	17.000	17.000			17.000			UBND xã Vĩnh Lợi							
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							12.982.577	12.982.577		10.335.469	10.335.469		4.321	4.321	8.146.771	8.146.771	0	956.450	7.094.883	0	95.438	0							
1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Trí Lạc, huyện Thới Bình	8159125	C	Các xã: Biển Bạch, Trí Phái	13.980m và 05 cầu	2025 - 2027	1170/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	66.675	66.675	01696/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	66.635	66.635	2026	54	54	60.000	60.000			60.000			UBND xã Trí Phái							
2	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng cầu Biển Nhì trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Hòa, Khánh Tiến, huyện U Minh (cũ)	8182552	C	Các xã: Khánh Lâm, U Minh	126m	2025 - 2027	1303/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	5.992	5.992	1304/QĐ-SXD ngày 30/12/2025	5.987	5.987	2026	247	247	5.000	5.000			5.000			UBND xã U Minh							

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó									
																		Tổng số	Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước			
3	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	8166782	C	Các xã Đầm Dơi, Tạ An Khương, Tân Thuận và Tân Tiến	13km và 10 cầu	2025 - 2027	691/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	95.500	95.500	276/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	95.495	95.495	2026	971	971	90.000	90.000				90.000			UBND xã Đầm Dơi			
4	Dự án đầu tư xây dựng đường từ Hồ Gùl đến đường ven biển	8163724	B	Xã Tân Tiến	3,57km	2026 - 2029	01522/QĐ-UBND ngày 28/10/2025	238.628	238.628	2095/QĐ-UBND ngày 08/6/2026	238.627	238.627	2026			210.000	210.000				200.000		10.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
5	Dự án xây dựng cầu kết nối Bệnh viện đa khoa tỉnh với Quốc lộ 1 (cầu 3 tháng 2)	8163728	B	Phường Tân Thành và phường Hòa Thành	587,19m (bao gồm cầu và đường dẫn)	2026 - 2029	01518/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	321.210	321.210	2056/QĐ-UBND ngày 03/6/2026	321.207	321.207	2026			290.000	290.000				280.000		10.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
6	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trí Phái - Thới Bình (đường ĐT.983)	8168003	B	Xã Trí Phái và xã Thới Bình	7,10km	2026 - 2029	01904/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	354.612	354.612	2463/QĐ-UBND ngày 30/6/2026	354.612	354.612		118	118	330.000	330.000				330.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
7	Dự án đầu tư xây dựng đường vào trụ sở Khối Cảnh sát thuộc Công an tỉnh Cà Mau	8171998	C	Phường Tân Thành	311,3m	2026 - 2027	02187/QĐ-UBND ngày 20/12/2025	30.780	30.780	2124/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	30.637	30.637	2026			28.000	28.000				22.623		5.377	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
8	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên ấp Cái Keo - Long Phú - Minh Thîn		C	Xã Định Thành	5.664m	2026 - 2027	478/QĐ-UBND ngày 06/4/2026	17.599	17.599	510/QĐ-UBND ngày 09/4/2026	16.950	16.950	2026			15.000	15.000				8.000		7.000	Hỗ trợ ngân sách xã Định Thành (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)			
9	Dự án xây dựng cầu Cây Sộp		C	Xã Định Thành	30m	2026 - 2027	479/QĐ-UBND ngày 06/4/2026	4.522	4.522	511/QĐ-UBND ngày 09/4/2026	4.343	4.343	2026			4.000	4.000						4.000	Hỗ trợ ngân sách xã Định Thành (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)			
10	Dự án đường về nhà thờ anh hùng Lương Thế Trân	8183964	C	Xã Lương Thế Trân	Dài 3.650m, rộng 3,5m	2026 - 2027	2653/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	15.743	15.743	2757/QĐ-UBND ngày 15/12/2025	15.743	15.743	2026			14.500	14.500				7.500		7.000	Hỗ trợ ngân sách xã Lương Thế Trân (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)			
11	Dự án nâng cấp, mở rộng đường liên ấp Tân Hoà - Phần Thạnh - Bào Bèo - Trung Hưng	8183963	C	Xã Lương Thế Trân	Dài 3.676m, rộng 4,5m	2026 - 2028	623/QĐ-UBND ngày 05/3/2026	37.720	37.720	726/QĐ-UBND ngày 25/3/2026	37.720	37.720	2026			35.000	35.000				27.000		8.000	Hỗ trợ ngân sách xã Lương Thế Trân (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)			
12	Dự án nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Lễ Quyên, phường Lý Văn Lâm		C	Phường Lý Văn Lâm	3153,13m	2026 - 2027	791/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	15.983	15.983	961/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	14.249	14.249	2026			13.000	13.000				6.000		7.000	Hỗ trợ ngân sách phường Lý Văn Lâm (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)			
13	Dự án nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Bà Cai (từ cầu Kênh Láng đến giáp ranh Giao Vàm)		C	Phường Lý Văn Lâm	2.721,8m	2026 - 2027	713/QĐ-UBND ngày 09/3/2026	16.566	16.566	962/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	15.490	15.490	2026			14.000	14.000				7.000		7.000	Hỗ trợ ngân sách phường Lý Văn Lâm (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)			
14	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào Khu hành chính xã Đông Hải		C	Xã Đông Hải	810m	2026 - 2028	255/QĐ-UBND ngày 04/02/2026	3.822	3.822	444/QĐ-UBND ngày 13/3/2026	3.715	3.715	2026			3.000	3.000						3.000	Hỗ trợ ngân sách xã Đông Hải (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)			
15	Đường GTNT bờ Nam kênh Hai Thà - bờ Bắc kênh Bia Đò		C	Xã Khánh Hưng	2.350m	2026 - 2027	479/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	9.517	9.517	560/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	9.517	9.517	2026			8.500	8.500				3.500		5.000	Hỗ trợ ngân sách xã Khánh Hưng (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)			
16	Đường GTNT kênh Đường Ranh Nhỏ (Từ khu di tích Bác 3 Phi đến cầu Thanh Niên)		C	Xã Khánh Hưng	3.473m	2026 - 2027	480/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	9.565	9.565	561/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	9.565	9.565	2026			8.500	8.500				3.500		5.000	Hỗ trợ ngân sách xã Khánh Hưng (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)			
17	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Đất Mới		C	Xã Đất Mới	10,88km (bao gồm chiều dài các cầu)	2026 - 2028	460/QĐ-UBND ngày 14/3/2025; 825/QĐ-UBND ngày 26/3/2026	82.627	82.627	2414/QĐ-UBND ngày 29/6/2026	82.627	82.627	2026	392	392	78.000	78.000				78.000			UBND xã Đất Mới			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó								
																			Chi đầu tư XDCB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước			
18	Dự án nâng cấp tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến sông Gành Hào), phường Lý Văn Lâm		C	Phường Lý Văn Lâm	600m	2026 - 2027	1424/QĐ-UBND ngày 30/6/2026	17.500	17.500	1457/QĐ-UBND ngày 06/7/2026	17.393	17.393	2026			15.000	15.000				15.000			Hỗ trợ ngân sách phường Lý Văn Lâm (phường quyết định đầu tư và quản lý chi)			
19	Dự án xây dựng tuyến đường kênh 5000 ấp Phước Trường - ấp Phước Hậu		C	Xã Vĩnh Phước	5.486,45m	2025 - 2026	1319/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND xã	11.054	11.054	1387/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Chủ tịch UBND xã	11.054	11.054	2026			10.677	10.677				10.677			Hỗ trợ ngân sách xã Vĩnh Phước			
20	Dự án đầu tư hạ tầng giao thông mở rộng tuyến đường ngang Trường THCS 1 Sông Đốc và đoạn đường đầu nối vào tuyến ven sông	8179560	C	Ấp 7	Dài 370m, rộng 20m	2026 - 2028	979/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND xã	25.845	25.845	1177/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của Chủ tịch UBND xã	25.845	25.845	2026			23.000	23.000				23.000			Hỗ trợ ngân sách xã Sông Đốc			
21	Dự án nâng cấp đường ĐT.978 (đoạn Quốc lộ 1 - Quán lộ Phụng Hiệp)	8190777	B	Các xã Hòa Bình, Vĩnh Mỹ, Châu Thới, Vĩnh Thanh, Phước Long và Ninh Quới	27,64km	2026 - 2029	1565/QĐ-UBND ngày 04/5/2026	2.398.000	2.398.000		2.398.000	2.398.000				1.000.000	1.000.000				1.000.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	Dự kiến thực hiện trong 02 kỳ trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và 2031 - 2035 để đảm bảo khả năng cân đối nguồn vốn. Trường hợp có nguồn vốn đối dư từ các dự án khác hoặc có vốn bổ sung sẽ bổ sung để đẩy nhanh tiến độ thực hiện		
22	Dự án xây dựng cầu Ba Đình kết nối tỉnh Cà Mau và An Giang		B	Xã Vĩnh Lộc	1.104m	2026 - 2029	01663/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	470.060	470.060		470.060	470.060				440.000	440.000				440.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
23	Dự án đầu tư xây dựng cầu Vàm Xáng Cái Ngay	8168005	B	Xã Tam Giang và xã Năm Căn	1,744km	2026 - 2029	01891/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	275.014	275.014		275.014	275.014		104	104	250.000	250.000				250.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
24	Dự án đầu tư xây dựng đường Hải Thượng Lãn Ông nối dài	8168004	B	Phường Hòa Thành	5,645km	2026 - 2029	01892/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	453.257	453.257		453.257	453.257		139	139	400.000	400.000				400.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
25	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Đầm Dơi - Cái Nước (đường ĐT.986)	8163727	B	Các xã: Cái Nước, Tân Hưng, Trần Phán, Đầm Dơi	Tuyến chính 21,94km, tuyến nhánh 0,8km, 09 cầu	2026 - 2029	25/QĐ-UBND ngày 07/01/2026	955.555	955.555		955.555	955.555		238	238	800.000	800.000				800.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
26	Dự án xây dựng cầu Vàm Xáng, huyện Đông Hải	8162611	B	Xã Định Thành và xã Gành Hào		2025 - 2028	306/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	321.573	321.573		321.573	321.573		590	590	290.000	290.000				290.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
27	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Khúc Tréo - Tân Lộc		B	Xã Phong Thạnh	9,6 km (bao gồm cả cầu và 02 nút giao thông)	2026 - 2029	221/QĐ-UBND ngày 21/01/2026	361.357	361.357		361.357	361.357				320.039	320.039				317.739		2.300	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
28	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 1		B	Các phường: Tân Thành, An Xuyên và Lý Văn Lâm	5,94km	2026 - 2029	659/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	2.360.400	2.360.400		1.839.500	1.839.500				1.607.288	1.607.288				1.600.000		7.288	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó						Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước		
																			Chỉ đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025				
29	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng đường nối tuyến tránh Quốc lộ 1 với đường Vành đai 2, phường Tân Thành (đoạn từ đường Vành đai 2 đến đường Hoàng Văn Thụ)		B	Phường Tân Thành	2,83km	2026 - 2029	661/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	348.477	348.477		414.295	414.295				371.720	371.720		370.000			1.720		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau			
30	Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành Dại 1		B	Các phường: Tân Thành, An Xuyên và Lý Văn Lâm	5,94km	2026 - 2029	659/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	2.360.400	2.360.400		520.900	520.900				520.900	520.900		520.739			161		Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh			
31	Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Dự án đầu tư đường nối tuyến tránh Quốc lộ 1 với đường Vành đai 2, phường Tân Thành (đoạn từ đường Vành đai 2 đến đường Hoàng Văn Thụ)		B	Phường Tân Thành	2,83km	2026 - 2029	661/QĐ-UBND ngày 11/3/2026	414.295	414.295		65.818	65.818				65.818	65.818		65.711			107		Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh			
32	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến Trung tâm Y tế xã Nguyễn Phích (trung tâm xã Khánh Thuận (cũ))		C	Xã Nguyễn Phích	4,741km	2025 - 2027	692/QĐ-UBND ngày 14/4/2025; 722/QĐ-UBND ngày 18/3/2026	39.001	39.001		39.001	39.001				36.000	36.000				34.737		1.263		UBND xã Nguyễn Phích		
33	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Phan Ngọc Hiến (đoạn từ cầu Năm Căn đến cầu Ông Đồi ngoài)		C	Xã Phan Ngoc Hiến và xã Đất Mũi	14,2km	2025 - 2027	456/QĐ-UBND ngày 13/3/2025; 723/QĐ-UBND ngày 18/3/2026	149.081	149.081		149.081	149.081				141.633	141.633				140.000		1.633		UBND xã Phan Ngoc Hiến		
34	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ kênh Tân Phong (cầu Hồ Thị Ngời) đến tuyến Hộ Phòng - Chủ Chi.		B	Các xã Tân Lộc, Phong Hiệp	5,7km	2027 - 2030	2032/QĐ-UBND ngày 02/6/2026	156.814	156.814		156.814	156.814				147.074	147.074				147.000		74		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau		
35	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm phường Hòa Thành (đoạn từ đường gom cầu Hòa Thành tuyến tránh Quốc lộ 1 đến Trụ sở khóm 4, phường Hòa Thành)		C	Phường Hòa Thành	11,8km	2025 - 2027	674/QĐ-UBND ngày 10/4/2025; 779/QĐ-UBND ngày 23/3/2026	145.061	145.061		145.061	145.061		65	65	137.000	137.000				135.607		1.393		UBND phường Hòa Thành		
36	Dự án nâng cấp tuyến đường Hứa Hòa Hưng, phường Hiệp Thành (đường vào Khu rừng đặc dụng Vườn chim Bạc Liêu)		C	Phường Hiệp Thành		2026 - 2027	637/QĐ-UBND ngày 07/3/2026	19.981	19.981		19.981	19.981				17.569	17.569				17.000		569		UBND phường Hiệp Thành		
37	Dự án đầu tư xây dựng cầu Chà Lả, xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi	8158075	C	Xã Trần Phán	0,5xHL-93	2025 - 2027	669/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	14.734	14.734		14.734	14.734				13.553	13.553				13.000		553		UBND xã Trần Phán		
38	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Đất Mũi (đoạn từ cầu Ông Đồi ngoài đến đường Hồ Chí Minh)		C	Xã Đất Mũi	14,9km	2025 - 2027	463/QĐ-UBND ngày 14/3/2025; 1154/QĐ-UBND ngày 06/4/2026	149.833	149.833		149.833	149.833				140.000	140.000				140.000				UBND xã Đất Mũi		
39	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân		C	Xã Rạch Chèo	9,58km	2025 - 2027	1171/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	37.943	37.943		37.943	37.943				35.000	35.000				35.000				UBND xã Nguyễn Việt Khải		
40	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời		C	Xã Trần Văn Thời	8,9km	2025 - 2027	693/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	45.238	45.238		45.238	45.238		500	500	42.000	42.000				42.000				UBND xã Trần Văn Thời		
41	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời		C	Xã Khánh Hưng	8,6km	2025 - 2027	694/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	48.130	48.130		48.130	48.130		450	450	45.000	45.000				45.000				UBND xã Khánh Hưng		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030								Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP							
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								Tổng số	Trong đó						
																					Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025
42	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường ô tô đến trung tâm xã Tam Giang, Tam Giang Đông, huyện Năm Căn		C	Xã Tam Giang	14,8km	2025 - 2027	461/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	64.396	64.396		64.396	64.396		453	453	60.000	60.000			60.000				UBND xã Tam Giang			
43	Dự án cầu qua kênh Trường Sơn		C	Phường Hiệp Thành	Cầu dài 22,7m, đường dẫn dài 119,48m	2026 - 2028	2085/QĐ-UBND ngày 08/6/2026	12.517	12.517		12.517	12.517				11.000	11.000			11.000				Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau			
(3)	ĐU/ PHÒNG (Dự kiến bố trí đối ứng cho 02 dự án đường ven biển sử dụng vốn ODA khi đủ điều kiện và các dự án giao thông trọng điểm sử dụng vốn ngân sách trung ương trong nước)															2.462.859	2.462.859			2.462.859				UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định	Do theo dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ODA giai đoạn 2026 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ thông báo tại Công văn số 871/TTg-KTTH ngày 24/7/2026 chỉ khoảng 1/3 nhu cầu của tỉnh (khả năng phải thực hiện qua 02 kỳ trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và giai đoạn 2031 - 2035), nên trước mắt dự kiến bố trí vốn đối ứng ngân sách tỉnh theo tiến độ dự kiến bố trí vốn ODA để không dôi dư vốn ODA khi hoàn thành dự án; phần còn lại dự kiến cho các dự án giao thông trọng điểm khác đang đăng ký nhu cầu ngân sách trung ương hỗ trợ. Trường hợp chưa đủ vốn thực hiện sẽ bổ sung từ dự phòng chung, tăng thu các năm và số vốn tiết kiệm từ các dự án đã hoàn thành		
XII	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC							414.107	414.107		411.930	411.930		301.791	301.791	815.100	815.100	799.500	0	8.600	0	7.000	0				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							394.690	394.690		394.690	394.690		301.791	301.791	35.500	35.500	35.500	0	0	0	0	0				
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Tru sở làm việc Tỉnh uy Cà Mau	7817446	B	P. Tân Thành	Công trình dân dụng	2021 - 2026	1160/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	362.690	362.690	1540/QĐ-UBND ngày 15/6/2022; 2322/QĐ-UBND ngày 28/11/2024; 01979/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	362.690	362.690	2022	280.851	280.851	31.500	31.500	31.500						Ban Quản lý dự án Xây dựng			
2	Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới một số hạng mục công trình thuộc Khu làm việc Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	8056442	C	Xã Năm Căn	Công trình dân dụng	2024 - 2026	1246/QĐ-UBND ngày 17/7/2023; 2301/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	32.000	32.000	2034/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; 2375/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	32.000	32.000	2024	20.940	20.940	4.000	4.000	4.000						UBND xã Năm Căn			
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							19.417	19.417		17.240	17.240		0	0	15.600	15.600	0	0	8.600	0	7.000	0				
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh	8177112	C	Phường Bạc Liêu	Cải tạo, sửa chữa	2026 - 2027	02186/QĐ-UBND ngày 20/12/2025	6.027	6.027	699/QĐ-SXD ngày 26/6/2026	4.324	4.324	2026			4.100	4.100			4.100				Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau			
2	Dự án nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất tại trung tâm chính trị - hành chính mới xã Đông Hải		C	Xã Đông Hải	Nâng cấp, sửa chữa	2026 - 2028	256/QĐ-UBND ngày 04/02/2026	13.390	13.390	433/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	12.916	12.916	2026			11.500	11.500			4.500		7.000		Hỗ trợ ngân sách xã Đông Hải (xã quyết định đầu tư, quản lý chi)			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó						Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước		
																			Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025				
(3)	ĐỰ PHÒNG (Dự kiến bố trí năng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới trụ sở hành chính cấp tỉnh và cấp xã khi đủ điều kiện)															764.000	764.000	764.000							UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định		
XIII	QUỐC PHÒNG, AN NINH							3.496.278	1.381.278		3.519.185	1.404.185		90.242	90.242	2.855.774	2.855.774	1.463.242	646.000	746.532	0	0	0				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang							265.863	265.863		288.711	288.711		90.242	90.242	183.290	183.290	0	181.000	2.290	0	0	0				
1	Dự án xây dựng khu vực luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Bạc Liêu	7004686	B	Xã Hòa Bình	14.100m2	2023 - 2027	282/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	262.260	262.260	570/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	285.173	285.173	2023	89.000	89.000	181.000	181.000		181.000						Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		
2	Dự án đầu tư xây dựng tượng bia Tiểu đoàn U Minh 2	7004686	C	Xã Lương Thề Trăn	743 m2	2025 - 2027	1304/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	3.603	3.603	867/QĐ-SXD ngày 24/10/2025	3.538	3.538	2025	1.242	1.242	2.290	2.290			2.290					Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							3.230.415	1.115.415		3.230.474	1.115.474		0	0	1.072.484	1.072.484	0	465.000	607.484	0	0	0				
1	Dự án đầu tư xây dựng Hải đội dân quân thường trực tỉnh Cà Mau		B			2026 - 2028	143/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	483.934	483.934	319/QĐ-UBND ngày 20/4/2026	483.993	483.993	2026			450.000	450.000			450.000					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		
2	Dự án Rả phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2026 - 2030	7004686	B	Các xã: Thới Bình, Cái Nước, U Minh, Sông Đốc, Năm Căn, Trần Văn Thới, Khánh Lâm		2026 - 2029	250/QĐ-UBND ngày 23/01/2026	166.481	166.481		166.481	166.481				157.484	157.484			157.484					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		
3	Dự án cơ sở làm việc Công an tỉnh Cà Mau		A			2026 - 2028	4468/QĐ-BCA-H01 ngày 13/7/2026	2.580.000	465.000		2.580.000	465.000				465.000	465.000		465.000						Công an tỉnh		
(3)	ĐỰ PHÒNG (Dự kiến bố trí cho trụ sở công an, quân sự cấp xã và cải tạo, nâng cấp các phân trại tạm giam và kho vật chứng khi đủ điều kiện)															1.600.000	1.600.000	1.463.242			136.758				UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định		
XIV	QUY HOẠCH							27.408	27.408		27.408	27.408		0	0	26.000	26.000	0	0	26.000	0	0	0				
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							27.408	27.408		27.408	27.408		0	0	26.000	26.000	0	0	26.000	0	0	0				
1	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050			Tỉnh Cà Mau		2025 - 2026		27.408	27.408	02137/QĐ-UBND ngày 16/12/2025	27.408	27.408	2026			26.000	26.000			26.000					Sở Tài chính		
XV	ĐỐI ỨNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN 1 TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030							3.035.110	1.420.690		3.035.110	1.420.690				2.712.490	1.420.690			1.420.690					Theo Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 4341/BNMT-VPDP ngày 04/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tỷ lệ bố trí vốn đối ứng NSDP của tỉnh Cà Mau là 88% số vốn NSTW hỗ trợ		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP									
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó						Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước						
															Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)			Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)		Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025					
1	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cho các phường có áp đặc biệt khó khăn, vùng ĐBDTTS, có tỷ lệ hộ nghèo cao														188.200	188.200							188.200			Hỗ trợ ngân sách phường (phường quyết định đầu tư và quản lý chi), UBND phường trình HĐND cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của Chương trình	
-	Phường Hiệp Thành														33.200	33.200							33.200				
-	Phường Vĩnh Trach														33.200	33.200							33.200				
-	Phường Bạc Liêu														33.200	33.200							33.200				
-	Phường An Xuyên														33.200	33.200							33.200				
-	Phường Lăng Tròn														27.700	27.700							27.700				
-	Phường Giá Rai														27.700	27.700							27.700				
2	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cho các phường xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo														67.500	67.500							67.500			Hỗ trợ ngân sách phường (phường quyết định đầu tư và quản lý chi), UBND phường trình HĐND cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của Chương trình	
-	Phường Lý Văn Lâm														22.500	22.500							22.500				
-	Phường Tân Thành														22.500	22.500							22.500				
-	Phường Hòa Thành														22.500	22.500							22.500				
3	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cho các xã, ngành														284.164	284.164							284.164			UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho từng dự án sau khi đủ điều kiện theo quy định	
4	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản các xã xây dựng nông thôn mới														632.732	256.532							256.532			Hỗ trợ ngân sách xã (xã quyết định đầu tư và quản lý chi), UBND xã trình HĐND cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của Chương trình	
-	Xã Khánh Bình														51.680	20.900							20.900				
-	Xã Dăm Dơi														50.776	20.566							20.566				
-	Xã Lương Thế Trân														49.868	20.228							20.228				
-	Xã Cái Nước														48.858	19.788							19.788				
-	Xã Châu Thới														47.950	19.450							19.450				
-	Xã Vĩnh Lợi														47.950	19.450							19.450				
-	Xã Đông Hải														47.950	19.450							19.450				
-	Xã Phong Thạnh														47.950	19.450							19.450				
-	Xã Hố Thi Kỳ														47.950	19.450							19.450				
-	Xã Vĩnh Thạnh														47.950	19.450							19.450				
-	Xã Trần Văn Thới														47.950	19.450							19.450				
-	Xã Phú Tân														47.950	19.450							19.450				
-	Xã Gành Hào														47.950	19.450							19.450				

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030								Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP							
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								Tổng số	Trong đó						
																					Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025
5	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK, có tỷ lệ hộ nghèo cao (Hệ số 57)															108.790	44.200			44.200							
-	Xã Khánh Lâm															54.395	22.100			22.100							
-	Xã Thanh Tùng															54.395	22.100			22.100							
6	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK, có tỷ lệ hộ nghèo cao (Hệ số 55)															158.070	64.020			64.020				Hỗ trợ ngân sách xã (xã quyết định đầu tư và quản lý chi), UBND xã trình HĐND cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của Chương trình			
-	Xã Hồng Dân															52.690	21.340			21.340							
-	Xã Đá Bạc															52.690	21.340			21.340							
-	Xã Vĩnh Hậu															52.690	21.340			21.340							
7	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK, có tỷ lệ hộ nghèo cao (Hệ số 54)															103.360	41.800			41.800				Hỗ trợ ngân sách xã (xã quyết định đầu tư và quản lý chi), UBND xã trình HĐND cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của Chương trình			
-	Xã Quách Phẩm															51.680	20.900			20.900							
-	Xã Long Điền															51.680	20.900			20.900							
8	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK, có tỷ lệ hộ nghèo cao (Hệ số 53)															101.552	41.132			41.132				Hỗ trợ ngân sách xã (xã quyết định đầu tư và quản lý chi), UBND xã trình HĐND cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của Chương trình			
-	Xã Ninh Thanh Lợi															50.776	20.566			20.566							
-	Xã Hưng Hải															50.776	20.566			20.566							
9	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK, có tỷ lệ hộ nghèo cao (Hệ số 52)															249.340	101.140			101.140				Hỗ trợ ngân sách xã (xã quyết định đầu tư và quản lý chi), UBND xã trình HĐND cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của Chương trình			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó						Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước				
																	Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025						
-	Xã Tân Thuận															49.868	20.228			20.228							
-	Xã Tân Tiến															49.868	20.228			20.228							
-	Xã Hòa Bình															49.868	20.228			20.228							
-	Xã Ninh Quới															49.868	20.228			20.228							
-	Xã Tri Phái															49.868	20.228			20.228							
10	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK, có tỷ lệ hộ nghèo cao (Hệ số 51)															195.432	79.152			79.152				Hỗ trợ ngân sách xã (xã quyết định đầu tư và quản lý chi), UBND xã trình HĐND cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của Chương trình			
-	Xã Phước Long															48.858	19.788			19.788							
-	Xã U Minh															48.858	19.788			19.788							
-	Xã Đất Mới															48.858	19.788			19.788							
-	Xã Đất Mới															48.858	19.788			19.788							
11	Hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cơ bản các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK, có tỷ lệ hộ nghèo cao (Hệ số 50)															623.350	252.850			252.850				Hỗ trợ ngân sách xã (xã quyết định đầu tư và quản lý chi), UBND xã trình HĐND cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình, đảm bảo đúng đối tượng theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của Chương trình			
-	Xã Vĩnh Lộc															47.950	19.450			19.450							
-	Xã Nguyễn Phích															47.950	19.450			19.450							
-	Xã An Trạch															47.950	19.450			19.450							
-	Xã Biện Bạch															47.950	19.450			19.450							
-	Xã Tân An															47.950	19.450			19.450							
-	Xã Thới Bình															47.950	19.450			19.450							
-	Xã Khánh An															47.950	19.450			19.450							
-	Xã Phan Ngọc Hiến															47.950	19.450			19.450							
-	Xã Tam Giang															47.950	19.450			19.450							
-	Xã Năm Căn															47.950	19.450			19.450							
-	Xã Định Thành															47.950	19.450			19.450							
-	Xã Sông Đốc															47.950	19.450			19.450							
-	Xã Tân Hưng															47.950	19.450			19.450							
XVI	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG SAU QUYẾT TOÁN															50.000	50.000			50.000				UBND tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn theo quy định			
XVII	NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ															46.625	46.625	0	0	39.744	0	6.881	0	UBND tỉnh phân bổ chi tiết sau khi dự án đủ điều kiện theo quy định			
XVIII	ỦY THÁC QUA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TÌNH ĐỀ CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH															1.811.000	1.811.000			1.701.000		110.000		Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh			
XIX	CẤP VỐN ĐIỀU LỆ CHO CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH															794.327	794.327	0	0	794.327	0	0	0				
1	Quỹ Bảo vệ môi trường															10.000	10.000			10.000				Quỹ Bảo vệ môi trường			
2	Quỹ Hỗ trợ Nông dân tỉnh															42.977	42.977			42.977				Quỹ Hỗ trợ Nông dân tỉnh			

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
																			Tổng số	Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025	Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước		
3	Quỹ Phát triển đất														66.350	66.350				66.350				Quỹ Phát triển đất			
4	Quỹ Nhà ở														675.000	675.000				675.000				Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh			
XX	PHÂN THUỞNG BẢNG HÌNH THỨC HỖ TRỢ KINH PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHÔNG QUÁ 10 TỶ/XÃ CHO CÁC XÃ HOÀN THÀNH ĐÚNG KẾ HOẠCH BÀN GIAO MẶT BẰNG THỰC HIỆN TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC CÀ MAU - ĐẤT MÙI, ĐƯỜNG GIAO THÔNG RA ĐẢO HÒN KHOAI VÀ CANG HÒN KHOAI TRƯỚC NGÀY 15/12/2025 THEO KẾ HOẠCH SỐ 0200/KH-UBND NGÀY 22/11/2025 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH														70.000	70.000	0	0	70.000	0	0	0	UBND tỉnh phân bổ chi tiết cho các dự án khi đủ điều kiện theo quy định				
1	Xã Hồ Thị Kỳ														10.000	10.000				10.000							
2	Xã Khánh Bình														10.000	10.000				10.000							
3	Xã Hưng Mỹ														10.000	10.000				10.000							
4	Xã Cái Nước														10.000	10.000				10.000							
5	Xã Phú Mỹ														10.000	10.000				10.000							
6	Xã Đất Mới														10.000	10.000				10.000							
7	Xã Đất Mũi														10.000	10.000				10.000							
XXI	SỐ VỐN TIẾT KIỆM KHI PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2026 (5%) THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2691/QĐ-TTG NGÀY 10/12/2025 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ														325.405	325.405	62.030	23.375	240.000								
A.2	DỰ PHÒNG CHUNG 10% (dự kiến bố trí cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch khu công nghiệp, khu kinh tế, dự án không gian trung bày muối và hạ tầng kỹ thuật, các dự án trọng điểm sau khi đủ điều kiện theo quy định)														3.669.683	3.669.683	281.933	277.750	3.110.000				UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sau khi các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn	Dự phòng từ các nguồn ngân sách tập trung, sử dụng đất, xổ số kiến thiết. Các nguồn còn lại theo tiến độ vay, tăng thu từng năm nên không trích ra để dự phòng chung			
B	NGÂN SÁCH XÃ QUẢN LÝ (bao gồm đầu tư, nâng cấp các tuyến đường đất đen khu vực dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh)														11.633.482	11.633.482	8.457.960	2.110.000	1.065.522	0	0	0					
I	Phân bổ 90% vốn ngân sách tập trung được giao theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ (75% tổng vốn NSTT của tỉnh), đồng thời hỗ trợ có mục tiêu tiêu thêm từ nguồn XSKT để xây dựng nông thôn mới														8.677.659	8.677.659	7.612.137	0	1.065.522	0	0	0	Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý chi, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định				
1	Phường An Xuyên														156.355	156.355	137.204		19.151								
2	Phường Bạc Liêu														177.403	177.403	155.673		21.730								
3	Phường Giá Rai														162.368	162.368	142.480		19.888								
4	Phường Hiệp Thành														174.396	174.396	153.035		21.361								

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó						Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước					
																Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025							
5	Phường Hòa Thành														132.300	132.300	116.095		16.205								
6	Phường Láng Tròn														138.314	138.314	121.371		16.943								
7	Phường Lý Văn Lâm														138.314	138.314	121.371		16.943								
8	Phường Tân Thành														150.341	150.341	131.926		18.415								
9	Phường Vĩnh Trạch														165.375	165.375	145.119		20.256								
10	Xã An Trạch														144.327	144.327	126.649		17.678								
11	Xã Biển Bạch														117.266	117.266	102.903		14.363								
12	Xã Cái Đôi Vàm														126.286	126.286	110.818		15.468								
13	Xã Cái Nước														138.314	138.314	121.371		16.943								
14	Xã Châu Thới														123.280	123.280	108.180		15.100								
15	Xã Đa Bạc														144.327	144.327	126.649		17.678								
16	Xã Đầm Dơi														120.273	120.273	105.541		14.732								
17	Xã Đất Mới														135.307	135.307	118.734		16.573								
18	Xã Đất Mũi														168.382	168.382	147.757		20.625								
19	Xã Định Thành														120.273	120.273	105.541		14.732								
20	Xã Đông Hải														138.314	138.314	121.371		16.943								
21	Xã Gành Hào														144.327	144.327	126.649		17.678								
22	Xã Hòa Bình														162.368	162.368	142.480		19.888								
23	Xã Hộ Thị Kỳ														120.273	120.273	105.541		14.732								
24	Xã Hồng Dân														150.341	150.341	131.926		18.415								
25	Xã Hưng Hội														141.320	141.320	124.010		17.310								
26	Xã Hưng Mỹ														114.305	114.305	100.264		14.041								
27	Xã Khánh An														135.307	135.307	118.734		16.573								
28	Xã Khánh Bình														114.259	114.259	100.264		13.995								
29	Xã Khánh Hưng														126.286	126.286	110.818		15.468								
30	Xã Khánh Lâm														168.382	168.382	147.757		20.625								
31	Xã Long Điền														153.348	153.348	134.565		18.783								
32	Xã Lương Thế Trân														129.293	129.293	113.456		15.837								

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2026 - 2030										Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Trong đó: vốn NSDP											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó						Vốn nhà tài trợ nộp vào ngân sách nhà nước					
																Chi đầu tư XD/CB tập trung trong nước (vốn NSTT)	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (vốn ODA NSDP vay lại)	Chi đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2025							
33	Xã Năm Căn														132.300	132.300	116.095		16.205								
34	Xã Nguyễn Phích														150.341	150.341	131.926		18.415								
35	Xã Nguyễn Việt Khái														114.279	114.279	100.264		14.015								
36	Xã Ninh Quới														114.400	114.400	100.264		14.136								
37	Xã Ninh Thạnh Lợi														153.348	153.348	134.565		18.783								
38	Xã Phan Ngọc Hiền														141.321	141.321	124.011		17.310								
39	Xã Phong Hiệp														114.259	114.259	100.264		13.995								
40	Xã Phong Thạnh														135.307	135.307	118.734		16.573								
41	Xã Phú Mỹ														115.326	115.326	100.264		15.062								
42	Xã Phú Tân														120.273	120.273	105.541		14.732								
43	Xã Phước Long														144.327	144.327	126.649		17.678								
44	Xã Quách Phẩm														132.300	132.300	116.095		16.205								
45	Xã Sông Đốc														147.334	147.334	129.287		18.047								
46	Xã Tạ An Khương														114.259	114.259	100.264		13.995								
47	Xã Tam Giang														138.314	138.314	121.371		16.943								
48	Xã Tân Ân														138.314	138.314	121.371		16.943								
49	Xã Tân Hưng														115.211	115.211	100.264		14.947								
50	Xã Tân Lộc														114.259	114.259	100.264		13.995								
51	Xã Tân Thuận														123.280	123.280	108.180		15.100								
52	Xã Tân Tiến														132.300	132.300	116.095		16.205								
53	Xã Thanh Tùng														138.314	138.314	121.371		16.943								
54	Xã Thới Bình														132.300	132.300	116.095		16.205								
55	Xã Trần Phán														114.867	114.867	100.264		14.603								
56	Xã Trần Văn Thới														141.321	141.321	124.011		17.310								
57	Xã Trí Phải														120.273	120.273	105.541		14.732								
58	Xã U Minh														129.293	129.293	113.456		15.837								
59	Xã Vĩnh Hậu														174.396	174.396	153.035		21.361								
60	Xã Vĩnh Lộc														120.273	120.273	105.541		14.732								

[illegible]